

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

**Sinh viên : Nguyễn Thị Phương Thảo
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Đức Kiên**

HẢI PHÒNG - 2015

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI
VẬN TẢI CHƯƠNG HƯƠNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Phương Thảo
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Đức Kiên**

HẢI PHÒNG – 2015

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Phương Thảo

Mã SV: 1112401109

Lớp: QT1505K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại vận tải Chương Hương.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1.LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP	3
1.1. Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.....	3
1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu	4
1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu	4
1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	5
1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh.....	6
1.5.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	6
1.5.1.1. Các phương thức tiêu thụ hàng chủ yếu trong các doanh nghiệp	6
1.5.1.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng	6
1.5.1.3. Phương pháp hạch toán	8
1.5.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	9
1.5.2.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng	9
1.5.2.2. Phương pháp hạch toán	10
1.5.2.3. Các khoản thuế làm giảm doanh thu	11
1.5.3. Kế toán giá vốn hàng bán.....	11
1.5.3.1. Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho	11
1.5.3.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng	12
1.5.3.3. Phương pháp hạch toán	14
1.5.4. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp.....	15
1.5.4.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng	15
1.5.4.2. Phương pháp hạch toán	17
1.5.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	18
1.5.5.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng	18
1.5.5.2. Phương pháp hạch toán	18
1.5.6. Kế toán kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh	19
1.5.6.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng	19
1.5.6.2. Phương pháp hạch toán	20
1.6. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính.....	20
1.6.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng	20
1.6.2. Phương pháp hạch toán	21
1.7. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động khác	23
1.7.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng	23
1.7.2. Phương pháp hạch toán	24

1.8. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp. ..	26
1.9. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán.	26
1.9.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.	26
1.9.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái.	27
1.9.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.	27
1.9.4. Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ.	28
1.9.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.	28
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI CHƯƠNG HƯƠNG	29
2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương.	29
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương	29
2.1.2. Đặc điểm về hàng hóa tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương.	30
2.1.3. Đặc điểm doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương.	30
2.1.4. Đối tượng hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương	31
2.1.5. Kỳ hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương.	31
2.1.6. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương.	31
2.1.7. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương.	32
2.1.7.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương.	32
2.1.7.2. Chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương.	33
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương	34
2.2.1. Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương.	34
2.2.1.1. Nội dung hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	34

2.2.1.2. Nội dung hạch toán giá vốn hàng bán.....	42
2.2.1.3. Nội dung hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp....	49
2.2.2. Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương.....	57
2.2.3. Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động khác tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương.....	61
2.2.4. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương.....	67
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI CHƯƠNG HƯƠNG.....	78
3.1. Đánh giá về thực trạng tổ chức kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương.....	78
3.1.1. Ưu điểm.....	78
3.1.2. Hạn chế.....	79
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương.....	80
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương.....	81
3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương.....	82
3.4.1. Kiến nghị 1: Về việc hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh.....	82
3.4.2. Kiến nghị 2: Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán.....	87
3.4.3. Kiến nghị 3: Về việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán tại công ty.....	88
3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương.....	90
3.5.1. Về phía Nhà nước.....	90
3.5.2. Về phía doanh nghiệp.....	91
KẾT LUẬN.....	92
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	93

DANH MỤC BIỂU MẪU

Biểu số 2.1: Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong 3 năm 2012 – 2013 – 2014	30
Biểu số 2.2: Hóa đơn GTGT số 0000317	35
Biểu số 2.3: Hóa đơn GTGT số 0000318	36
Biểu số 2.4: Giấy báo có số 35.....	37
Biểu số 2.5: Hóa đơn GTGT số 0000327	38
Biểu số 2.6: Phiếu thu số 10.....	39
Biểu số 2.7: Sổ Nhật ký chung.....	40
Biểu số 2.8: Sổ cái tài khoản 511	41
Biểu số 2.9: Phiếu xuất kho số 1/12.....	42
Biểu số 2.10: Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa.....	43
Biểu số 2.11: Phiếu xuất kho số 2/12.....	45
Biểu số 2.12: Phiếu xuất kho số 13/12	46
Biểu số 2.13: Sổ Nhật ký chung.....	47
Biểu số 2.14: Sổ cái tài khoản 632	48
Biểu số 2.15: Hóa đơn dịch vụ viễn thông.....	50
Biểu số 2.16: Phiếu chi số 04	51
Biểu số 2.17: Bảng phân bổ tiền lương.....	52
Biểu số 2.18: Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ	53
Biểu số 2.19: Sổ Nhật ký chung.....	54
Biểu số 2.20: Sổ cái tài khoản 641	55
Biểu số 2.21: Sổ cái tài khoản 642	56
Biểu số 2.22: Giấy báo Nợ số 09	57
Biểu số 2.23: Giấy báo Có số 23.....	58
Biểu số 2.24: Sổ Nhật ký chung.....	59
Biểu số 2.25: Sổ cái tài khoản 515	60
Biểu số 2.26: Sổ cái tài khoản 635.....	61
Biểu số 2.27: Biên bản thanh lý TSCĐ	62
Biểu số 2.28: Hóa đơn GTGT số 0000315	63
Biểu số 2.29 : Phiếu kế toán số 41	64
Biểu số 2.30: Sổ Nhật ký chung.....	65
Biểu số 2.31: Sổ cái tài khoản 711	66

Biểu số 2.32: Sổ cái tài khoản 811	67
Biểu số 2.33: Phiếu kế toán số 44	68
Biểu số 2.34: Phiếu kế toán số 45	69
Biểu số 2.35: Sổ Nhật ký chung.....	70
Biểu số 2.36: Sổ cái tài khoản 911	71
Biểu số 2.37: Phiếu kế toán số 46	72
Biểu số 2.38: Sổ cái tài khoản 821	73
Biểu số 2.39: Phiếu kế toán số 47	74
Biểu số 2.40: Phiếu kế toán số 48	74
Biểu số 2.41: Sổ cái tài khoản 421	75
Biểu số 2.42: Bảng cân đối số phát sinh	76
Biểu số 2.43: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	77
Biểu số 3.1: Mẫu Sổ chi tiết bán hàng.....	82
Biểu số 3.2 Sổ chi tiết bán hàng.....	83
Biểu số 3.3: Mẫu sổ chi phí sản xuất kinh doanh	84
Biểu số 3.4: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh	85
Biểu số 3.5: Bảng phân bổ chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.....	86

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức tiêu thụ trực tiếp	8
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ trình tự hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức bán hàng qua đại lý	9
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ trình tự hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức bán hàng trả chậm, trả góp.....	9
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ trình tự hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	11
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự hạch toán kế toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên	14
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự hạch toán kế toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ.	15
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán kế toán chi phí bán hàng, chi phí QLDN ...	17
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự hạch toán kế toán thuế TNDN hiện hành	18
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự hạch toán kế toán thuế TNDN hoãn lại	19
Sơ đồ 1.10: Trình tự hạch toán kế toán kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh	20
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự hạch toán kế toán doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính	22
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự hạch toán kế toán thu nhập khác, chi phí khác.....	25
Sơ đồ 1.13: Sơ đồ tổng hợp trình tự hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	26
Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung	26
Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái	27
Sơ đồ 1.16: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	27
Sơ đồ 1.17: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ.....	28
Sơ đồ 1.18: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán trên máy vi tính.....	28
Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương.....	31
Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương.....	33
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương	34

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 3.1: Giao diện hoạt động phần mềm kế toán máy FAST	88
Hình 3.2: Giao diện hoạt động phần mềm kế toán máy MISA SME.NET 2015	89
Hình 3.3: Giao diện hoạt động phần mềm kế toán máy VACOM.....	90

DANH MỤC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu viết tắt	Tên ký hiệu
1	BTC	Bộ tài chính
2	CKTM	Chiết khấu thương mại
3	QLDN	Quản lý doanh nghiệp
4	CPBH	Chi phí bán hàng
5	GTGT	Giá trị gia tăng
6	TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
7	PP	Phương pháp
8	K/c	Kết chuyển
9	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
10	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
11	CCDV	Cung cấp dịch vụ
12	NSNN	Ngân sách nhà nước
13	TSCĐ	Tài sản cố định
14	SXKD	Sản xuất kinh doanh
15	HĐTC	Hoạt động tài chính
16	TK	Tài khoản

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành khóa luận này, em xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến:

Các thầy giáo, cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh – trường Đại học Dân lập Hải Phòng đã tận tình truyền đạt những kiến thức nền tảng cơ sở, kiến thức chuyên sâu về Kế toán – Kiểm toán và cả những kinh nghiệm thực tiễn quý báu cho em trong quá trình học tập tại trường.

Thầy giáo, ThS. Nguyễn Đức Kiên – Giảng viên khoa quản trị kinh doanh – Trường Đại học Dân lập Hải Phòng đã hết lòng hỗ trợ, chỉ bảo cho em từ khi thực tập đến khi làm khóa luận; từ khâu chọn đề tài, cách thức tiếp cận thực tiễn tại đơn vị, cách trình bày đề tài cho đến khi hoàn thành đề tài khóa luận.

Các cô, chú, anh, chị trong phòng Kế toán của công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương đã tạo điều kiện cũng như giúp đỡ em trong thời gian thực tập tại công ty.

Mặc dù đã cố gắng nghiên cứu lý luận, tìm hiểu thực trạng kế toán thực tế tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương, nhưng do thời gian và trình độ còn hạn chế nên trong quá trình hoàn thành đề tài không thể tránh khỏi những sai sót. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp, sự chỉ bảo tận tình của các thầy cô và các bạn để đề tài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày tháng năm 2015

Sinh viên

Nguyễn Thị Phương Thảo

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Cùng với xu hướng đa phương hóa, đa dạng hóa, hội nhập và toàn cầu hóa nền kinh tế, nhu cầu thông tin ngày càng đòi hỏi một cách cấp thiết. Kế toán với tư cách là công cụ cung cấp thông tin một cách hữu hiệu cho các nhà quản lý lại càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết.

Trong bối cảnh nền kinh tế nước ta hiện nay đang ngày một phát triển, đã mở ra vô vàn cơ hội lẫn thách thức cho các doanh nghiệp. Kinh doanh như thế nào để đạt được lợi nhuận cao nhất? Đó là mối quan tâm hàng đầu của các nhà quản lý doanh nghiệp.

Bởi vậy, một doanh nghiệp muốn tồn tại trong thị trường kinh doanh hiện nay tùy thuộc rất lớn vào kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mà cụ thể là chỉ tiêu doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh. Đó là những thông tin quan trọng không chỉ đối với bản thân doanh nghiệp mà còn quan trọng đối với Nhà nước, nhà đầu tư, nhà cung cấp, các tổ chức tài chính...

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một khâu quan trọng của hạch toán kế toán doanh nghiệp. Bởi nó cho biết tình hình tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp, chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm ra sao và kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà doanh nghiệp đạt được. Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra những quyết định đúng đắn, kịp thời cùng với những chiến lược kinh doanh hiệu quả để có thể tối đa hóa lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, để kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phát huy được hết vai trò, chức năng của nó, cần phải biết tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách hợp lý, khoa học và thường xuyên.

Nhận thức được tầm quan trọng đó và với những cơ sở lý luận được thầy cô trang bị ở trường cùng với những kiến thức thực tế học hỏi được từ công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương trong quá trình thực tập; em đã mạnh dạn đi sâu, tìm hiểu và lựa chọn đề tài: “ ***Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương***” làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống hóa lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Mô tả và phân tích được thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng nghiên cứu: Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương.
- Phạm vi nghiên cứu: Đề tài được thực hiện tại Công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Các phương pháp kế toán: phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tổng hợp cân đối.
- Phương pháp thống kê và so sánh.
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu.

5. Kết cấu của khóa luận

Ngoài phần mở đầu và kết luận khóa luận gồm có 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương.

CHƯƠNG 1**LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TRONG CÁC DOANH NGHIỆP****1.1. Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.**

❖ **Bán hàng:** Là giai đoạn cuối cùng của quá trình tiêu thụ sản phẩm, nó là quá trình chuyển đổi từ hình thái hiện vật sang hình thái tiền tệ và kết thúc. Qua bán hàng phản ánh được năng lực kinh doanh của doanh nghiệp từ đó có cơ sở để tính kết quả kinh doanh.

❖ **Doanh thu:** Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

❖ **Doanh thu thuần:** Là chênh lệch giữa tổng doanh thu và các khoản giảm trừ. Các khoản giảm trừ bao gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu hàng bán bị trả lại và các khoản thuế (thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu).

❖ **Thời điểm ghi nhận doanh thu**

Thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ từ người bán sang người mua. Nói cách khác, thời điểm người mua trả tiền hay chấp nhận nợ về lượng hàng hóa, vật tư, dịch vụ đã được người bán chuyển giao.

❖ **Các hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp**

▪ Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh: Là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.

- Hoạt động tài chính: Là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.

- Hoạt động khác: Là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

▪ Kết quả kinh doanh: được xác định trên cơ sở doanh thu trừ cho chi phí hợp lý phát sinh để tạo ra doanh thu trong kỳ. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được hình thành từ tổng hợp kết quả kinh doanh của hoạt động sản xuất, kinh doanh chính; hoạt động tài chính và hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán và chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.
- Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác.

1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu

Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng BTC.

❖ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

-
- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.
 - Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.
 - Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu).
 - Những doanh nghiệp gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.
 - Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.
 - Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.
 - Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ số tiền thu được chia cho số năm cho thuê tài sản.

1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Để phát huy được vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép kịp thời, đầy đủ khối lượng thành phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ (ra ngoài và nội bộ).
- Xác định đúng thời điểm hàng hóa được coi là tiêu thụ để phản ánh doanh thu một cách chính xác và kịp thời.
- Lựa chọn phương pháp tính giá vốn hàng xuất bán phù hợp.
- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán nhằm xác định đúng đắn kết quả kinh doanh.

- Xác định đúng số thuế phải nộp cho Nhà nước liên quan đến quá trình tiêu thụ sản phẩm và kịp thời thanh toán với ngân sách Nhà nước theo quy định của các luật thuế hiện hành.
- Cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, đầy đủ và trung thực tình hình bán hàng, xác định kết quả và phân phối kết quả kinh doanh, phục vụ cho công tác lập báo cáo tài chính doanh nghiệp.

1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh

1.5.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.5.1.1. Các phương thức tiêu thụ hàng chủ yếu trong các doanh nghiệp

Hoạt động tiêu thụ trong doanh nghiệp có thể tiến hành theo nhiều phương thức:

- *Phương thức tiêu thụ trực tiếp:* Là phương thức giao hàng cho khách hàng trực tiếp tại kho, tại các phân xưởng sản xuất không qua kho. Sản phẩm đã giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị bán mất quyền sở hữu về số hàng này.

- *Phương thức bán hàng qua đại lý:* Là phương thức bán hàng mà doanh nghiệp (bên giao đại lý) giao hàng cho cơ sở (đại lý) nhận bán hàng đại lý, ký gửi để cơ sở này trực tiếp bán hàng. Số hàng giao đại lý này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên giao đại lý, cho đến khi bên đại lý thông báo bán được hàng hoặc thanh toán tiền hàng cho bên giao đại lý thì mới được coi là hàng hóa tiêu thụ và ghi nhận doanh thu. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:* Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được xác định tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu để được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất đã được quy định trước trong hợp đồng.

- Ngoài ra còn có các phương thức tiêu thụ hàng như: phương thức hàng đổi hàng, phương thức tiêu thụ nội bộ, phương thức chuyển hàng theo hợp đồng.

1.5.1.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ *Chứng từ sử dụng:*

- Hoá đơn GTGT (mẫu 01- GTKT)
- Hóa đơn bán hàng (mẫu 02 – GTTT)
- Chứng từ thanh toán: Phiếu thu, Giấy báo Có của ngân hàng....
- Các chứng từ khác có liên quan khác: Phiếu xuất kho, hợp đồng kinh tế...

❖ *Tài khoản sử dụng:*

Phản ánh các khoản liên quan đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, kế toán sử dụng các tài khoản sau:

➤ TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

▪ Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

▪ TK 511 có 6 tài khoản cấp 2:

+ Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa

+ Tài khoản 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm

+ Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

+ Tài khoản 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá

+ Tài khoản 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

+ Tài khoản 5118 - Doanh thu khác

▪ Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 511:

- Bên Nợ:

+ Số thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ kế toán.

+ Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

+ Trị giá khoản chiết khấu thương mại kết chuyển vào cuối kỳ.

+ Trị giá khoản giảm giá hàng bán kết chuyển vào cuối kỳ.

+ Trị giá hàng bán bị trả lại kết chuyển vào cuối kỳ.

+ Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Bên Có:

+ Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp đã thực hiện trong kỳ kế toán.

- TK 511 không có số dư cuối kỳ.

➤ TK 512: Doanh thu bán hàng nội bộ

▪ Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ các doanh nghiệp.

▪ TK 512 có 3 tài khoản cấp 2:

+ Tài khoản 5121 – Doanh thu bán hàng hóa

+ Tài khoản 5122 – Doanh thu bán các thành phẩm

+ Tài khoản 5123 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

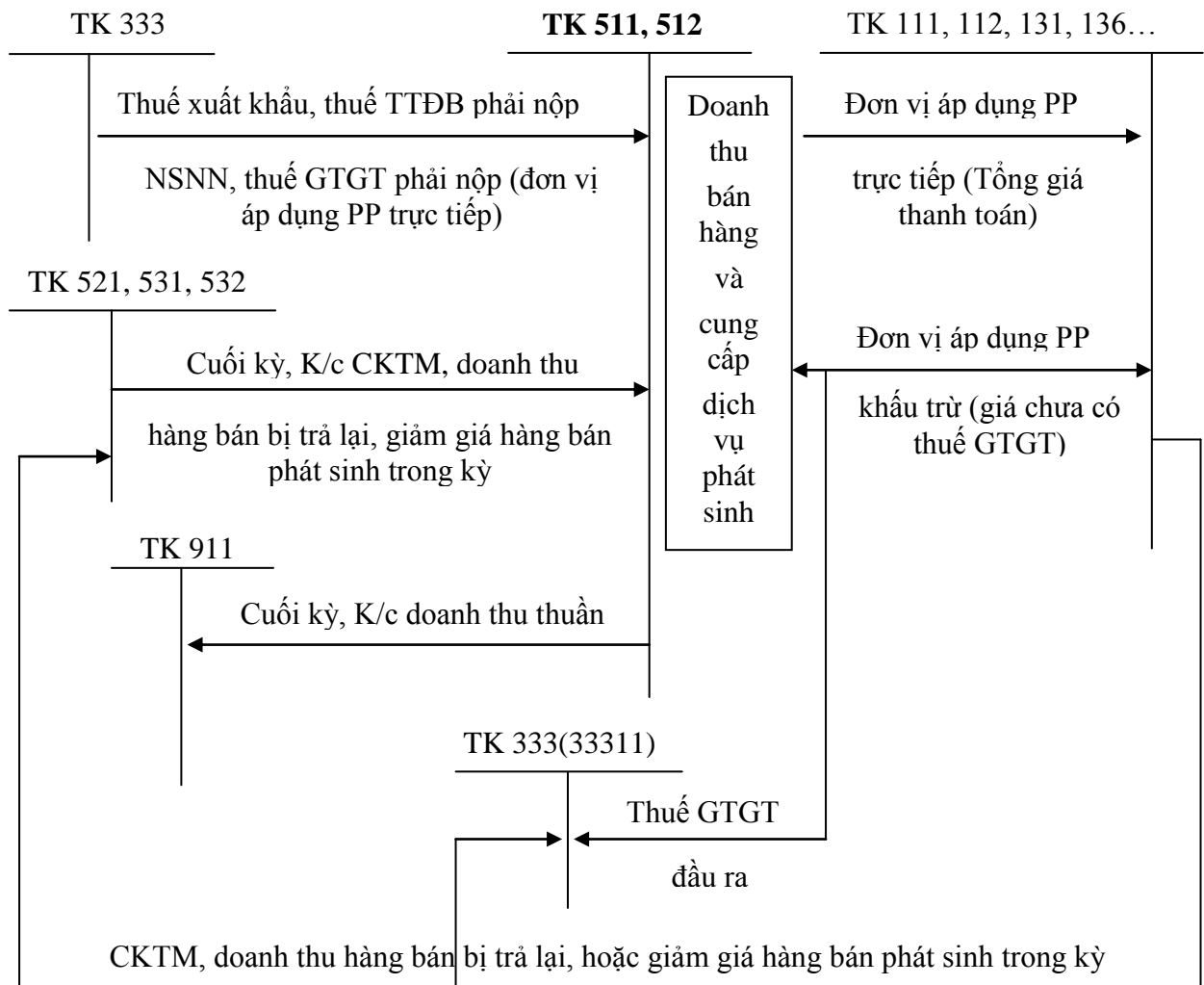
▪ Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 512:

- Bên Nợ:

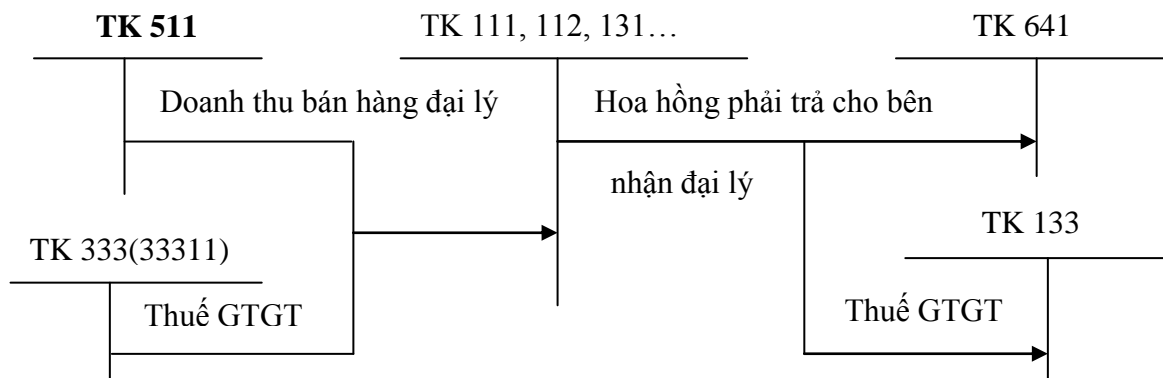
- + Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản chiết khấu thương mại và khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ tiêu thụ nội bộ kết chuyển vào cuối kỳ.
- + Số thuế TTĐB phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã xác định là tiêu thụ nội bộ.
- + Thuế GTGT phải nộp cho số hàng hóa tiêu thụ nội bộ (phương pháp trực tiếp)
- + Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Bên Có:
- + Tổng doanh thu tiêu thụ nội bộ phát sinh trong kỳ kế toán.
- TK 512 không có số dư cuối kỳ.

1.5.1.3. Phương pháp hạch toán

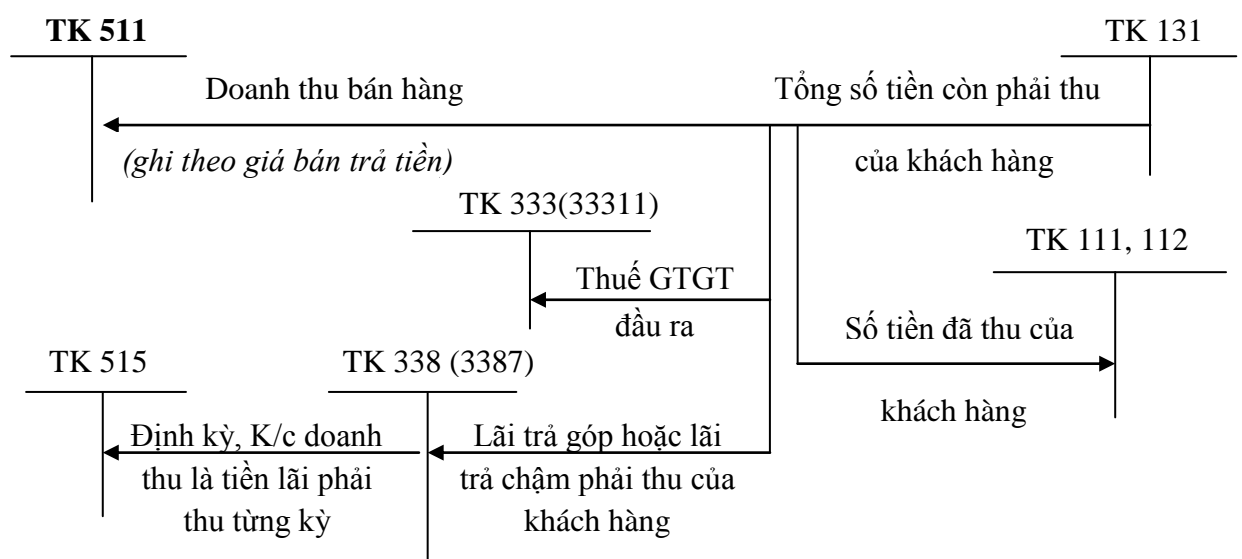
Phương pháp hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo các phương thức tiêu thụ được khái quát theo các sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức tiêu thụ trực tiếp



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ trình tự hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức bán hàng qua đại lý



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ trình tự hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức bán hàng trả chậm, trả góp.

1.5.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.5.2.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT (mẫu 01-GTKT), hóa đơn bán hàng (mẫu 02-GTTT)
- Phiếu chi, giấy báo Nợ của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan khác: Phiếu nhập kho,...

❖ Tài khoản sử dụng:

➤ Tài khoản 521: Chiết khấu thương mại

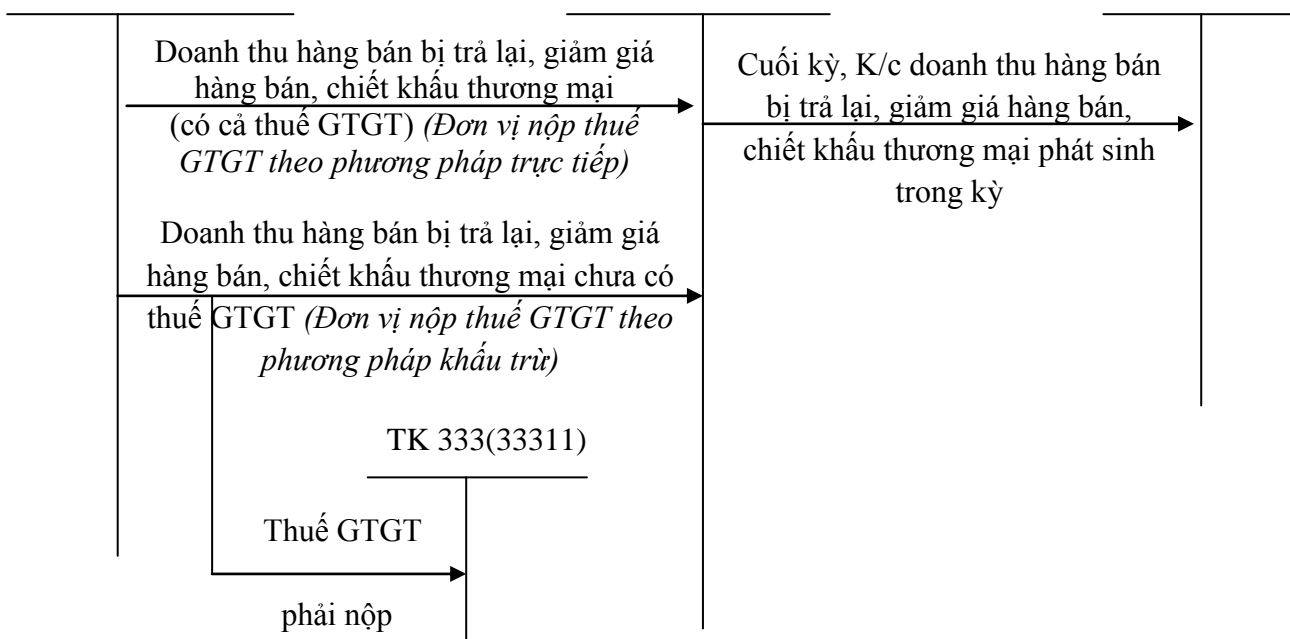
- Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hóa), dịch vụ với số lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua, bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

- Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 521:
 - Bên Nợ: Số chiết khấu thương mại đã chấp thuận cho khách hàng được hưởng.
 - Bên Có: Kết chuyển số chiết khấu thương mại phát sinh trong kỳ vào TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.
 - TK 521 không có số dư cuối kỳ.
 - **Tài khoản 531: Hàng bán bị trả lại**
 - Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.
 - Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 531:
 - Bên Nợ: Trị giá của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho khách hàng hoặc tính trừ vào số tiền khách hàng còn nợ.
 - Bên Có: Kết chuyển trị giá của hàng bán bị trả lại phát sinh trong kỳ vào tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.
 - TK 531 không có số dư cuối kỳ.
 - **Tài khoản 532: Giảm giá hàng bán**
 - Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hoặc một phần hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.
 - Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 532:
 - Bên Nợ: Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho khách hàng được hưởng.
 - Bên Có: Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ vào tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.
 - TK 532 không có số dư cuối kỳ.
- 1.5.2.2. Phương pháp hạch toán

TK 111, 112, 131, 136

TK 521, 531, 532

TK 511



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ trình tự hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.5.2.3. Các khoản thuế làm giảm doanh thu

- **Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:** Là một loại thuế gián thu tính trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu xác định trong kỳ.
- **Thuế tiêu thụ đặc biệt:** Là một loại thuế gián thu tính trên giá bán (chưa có thuế TTDB) đối với một số mặt hàng nhất định mà doanh nghiệp sản xuất, hoặc thu trên giá nhập khẩu và thuế nhập khẩu đối với một số mặt hàng mà doanh nghiệp nhập khẩu.
- **Thuế xuất khẩu:** Là loại thuế trực thu, tính trực tiếp trên trị giá các mặt hàng xuất khẩu.

1.5.3. Kế toán giá vốn hàng bán

- **Giá vốn hàng bán:** Là giá thực tế xuất kho của số sản phẩm (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá bán ra trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

1.5.3.1. Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho

➤ Phương pháp bình quân gia quyền:

- Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ của hàng } i = \frac{\text{Giá thực tế hàng } i \text{ tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá thực tế hàng } i \text{ nhập kho trong kỳ}}{\text{Lượng thực tế hàng } i \text{ tồn kho đầu kỳ} + \text{Lượng thực tế hàng } i \text{ nhập kho trong kỳ}}$$

- Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Giá thực tế hàng tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Lượng thực tế hàng tồn kho sau lần nhập thứ } i}$$

- Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):

Theo phương pháp này, giả định lượng hàng nhập trước sẽ được xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau, xuất theo lô hàng nào thì sử dụng đơn giá của lô hàng đó. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của lượng hàng nhập cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ.

- Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):

Theo phương pháp này, giả định lượng hàng nhập sau cùng sẽ được xuất trước tiên, xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước, xuất theo lô hàng nào thì sử dụng đơn giá của lô hàng đó. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của lượng hàng nhập đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ.

- Phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này, giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ lúc nhập kho đến lúc xuất kho. Xuất kho loại hàng nào thì lấy giá đích danh của loại hàng đó. Phương pháp này thích hợp với doanh nghiệp kinh doanh ít mặt hàng.

1.5.3.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

- ❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho
- Phiếu nhập kho
- Các chứng từ khác có liên quan...

- ❖ Tài khoản sử dụng:

- **TK 632: Giá vốn hàng bán**

- Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp). Được áp dụng cho cả doanh nghiệp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên hoặc kiểm kê định kỳ.

- Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 632:

- Trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:

- Bên Nợ:

- + Phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.

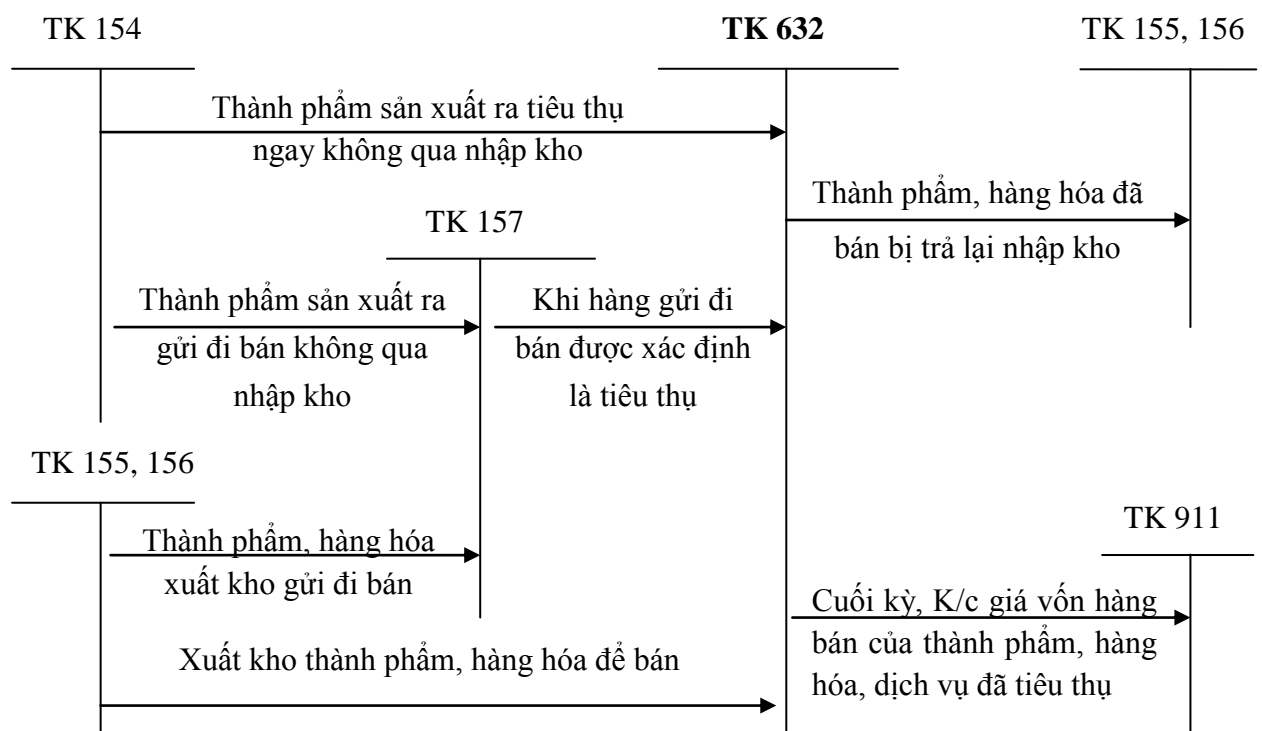
- + Phản ánh chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ không được tính vào trị giá hàng tồn kho mà phải tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán.

-
- + Phản ánh khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
 - + Phản ánh chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
 - + Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản đã lập dự phòng năm trước.
 - Bên Có:
 - + Phản ánh trị giá vốn hàng bán bị trả lại.
 - + Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số phải lập dự phòng năm nay nhỏ hơn khoản đã lập dự phòng năm trước).
 - + Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
 - TK 632 không có số dư cuối kỳ.
 - o Trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:
 - ✓ *Doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ*
 - Bên Nợ:
 - + Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ.
 - + Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.
 - + Phản ánh chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ không được tính vào trị giá hàng tồn kho mà phải tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán.
 - + Phản ánh khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
 - + Phản ánh chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
 - + Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản đã lập dự phòng năm trước.
 - Bên Có:
 - + Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155.
 - + Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số phải lập dự phòng năm nay nhỏ hơn khoản đã lập dự phòng năm trước).
 - + Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
-

- TK 632 không có số dư cuối kỳ.
- ✓ *Doanh nghiệp kinh doanh thương mại*
- Bên Nợ:
 - + Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ.
 - + Phản ánh khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
 - + Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản đã lập dự phòng năm trước.
- Bên Có:
 - + Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã gửi bán nhưng chưa xác định là tiêu thụ.
 - + Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số phải lập dự phòng năm nay nhỏ hơn khoản đã lập dự phòng năm trước).
 - + Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- TK 632 không có số dư cuối kỳ.

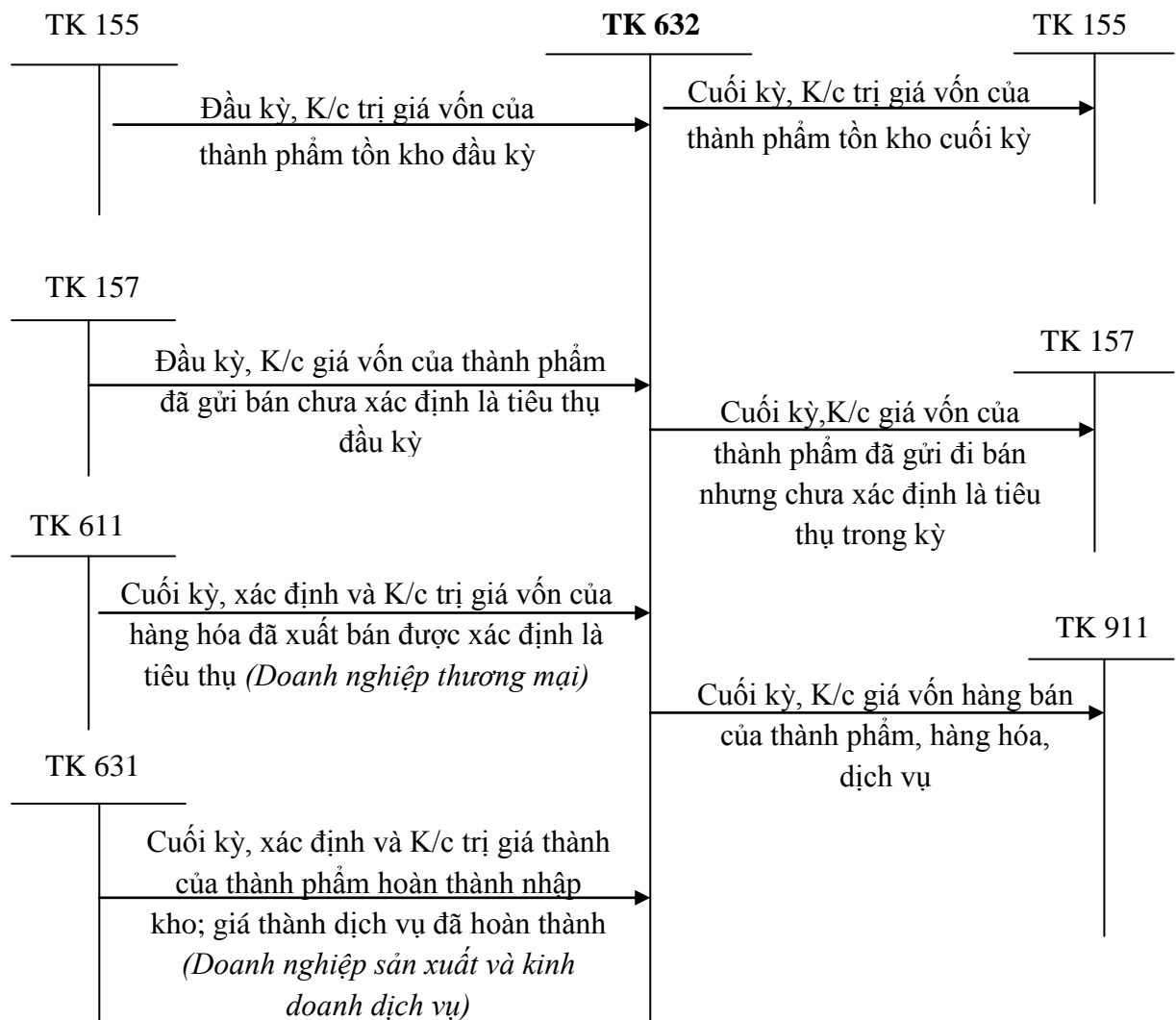
1.5.3.3. *Phương pháp hạch toán*

- Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự hạch toán kế toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên

- Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự hạch toán kế toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ.

1.5.4. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

- **Chi phí bán hàng:** Là toàn bộ chi phí có liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp bao gồm: chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển; chi phí quảng cáo sản phẩm; chi phí hoa hồng đại lý...
- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý điều hành chung của doanh nghiệp bao gồm: chi phí tiền lương bộ phận quản lý, chi phí khấu hao TSCĐ sử dụng cho quản lý...

1.5.4.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng

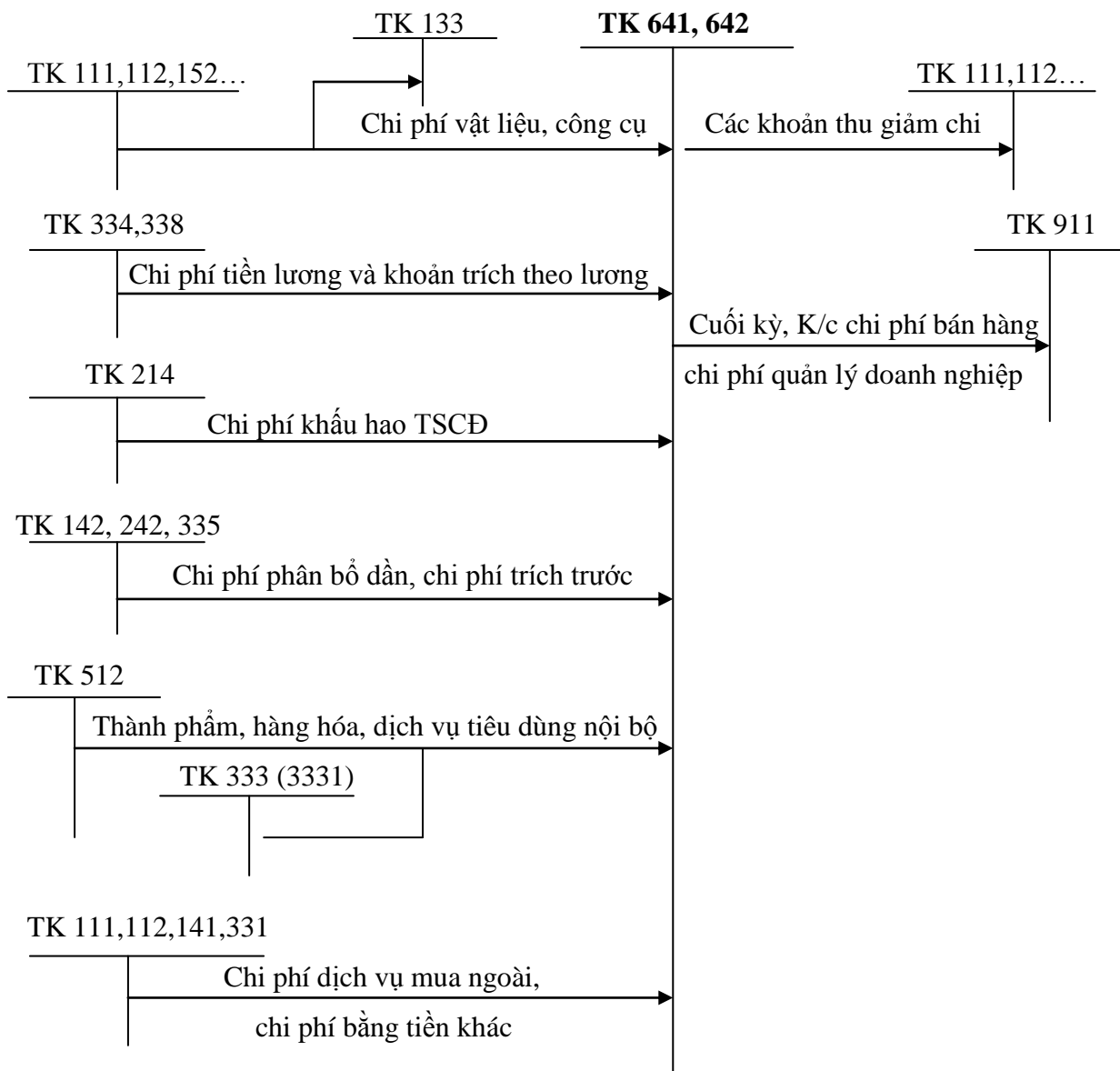
❖ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo Nợ, ủy nhiệm chi
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ

-
- Bản tính và phân bổ tiền lương, các khoản trích theo lương
 - Các chứng từ khác có liên quan.
 - ❖ Tài khoản sử dụng:
 - **Tài khoản 641: Chi phí bán hàng**
 - Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp.
 - TK 641 có 7 tài khoản cấp 2:
 - TK 6411: Chi phí nhân viên
 - TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
 - TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
 - TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
 - TK 6415: Chi phí bảo hành
 - TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - TK 6418: Chi phí khác bằng tiền
 - Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 641:
 - Bên Nợ: Tập hợp chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ.
 - Bên Có:
 - + Các khoản giảm trừ chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ hạch toán.
 - + Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ hoặc kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 142 “Chi phí trả trước” để chờ phân bổ.
 - TK 641 không có số dư cuối kỳ.
 - **Tài khoản 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp**
 - Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp thực tế phát sinh trong một kỳ hạch toán.
 - TK 642 có 8 tài khoản cấp 2:
 - TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
 - TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
 - TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
 - TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
 - TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
 - TK 6426: Chi phí dự phòng
 - TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - TK 6428: Chi phí khác bằng tiền.
 - Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 642:
-

- Bên Nợ: Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.
- Bên Có:
 - + Các khoản giảm trừ chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ hạch toán.
 - + Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ hoặc kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK 142 “Chi phí trả trước” để chờ phân bổ.
- TK 642 không có số dư cuối kỳ.

1.5.4.2. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán kế toán chi phí bán hàng, chi phí QLDN

1.5.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.5.5.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan...

❖ Tài khoản sử dụng:

➤ **Tài khoản 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

▪ TK 821 có 2 tài khoản cấp 2:

- TK 8211 – Chi phí thuế TNDN hiện hành
- TK 8212 – Chi phí thuế TNDN hoãn lại

▪ Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 821:

- Bên Nợ:

+ Chi phí thuế TNDN phát sinh trong kỳ;

+ Chi phí thuế TNDN ghi tăng thêm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

- Bên Có:

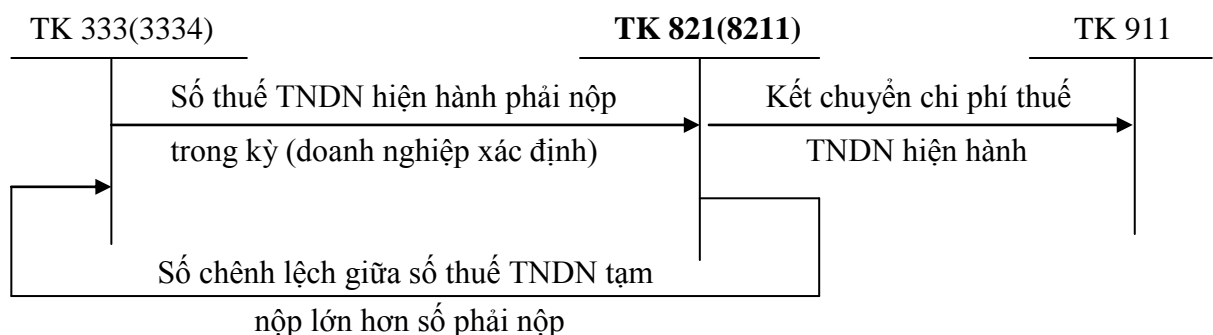
+ Chênh lệch thuế TNDN thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN đã tạm nộp và chi phí thuế TNDN ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

+ Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp vào Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

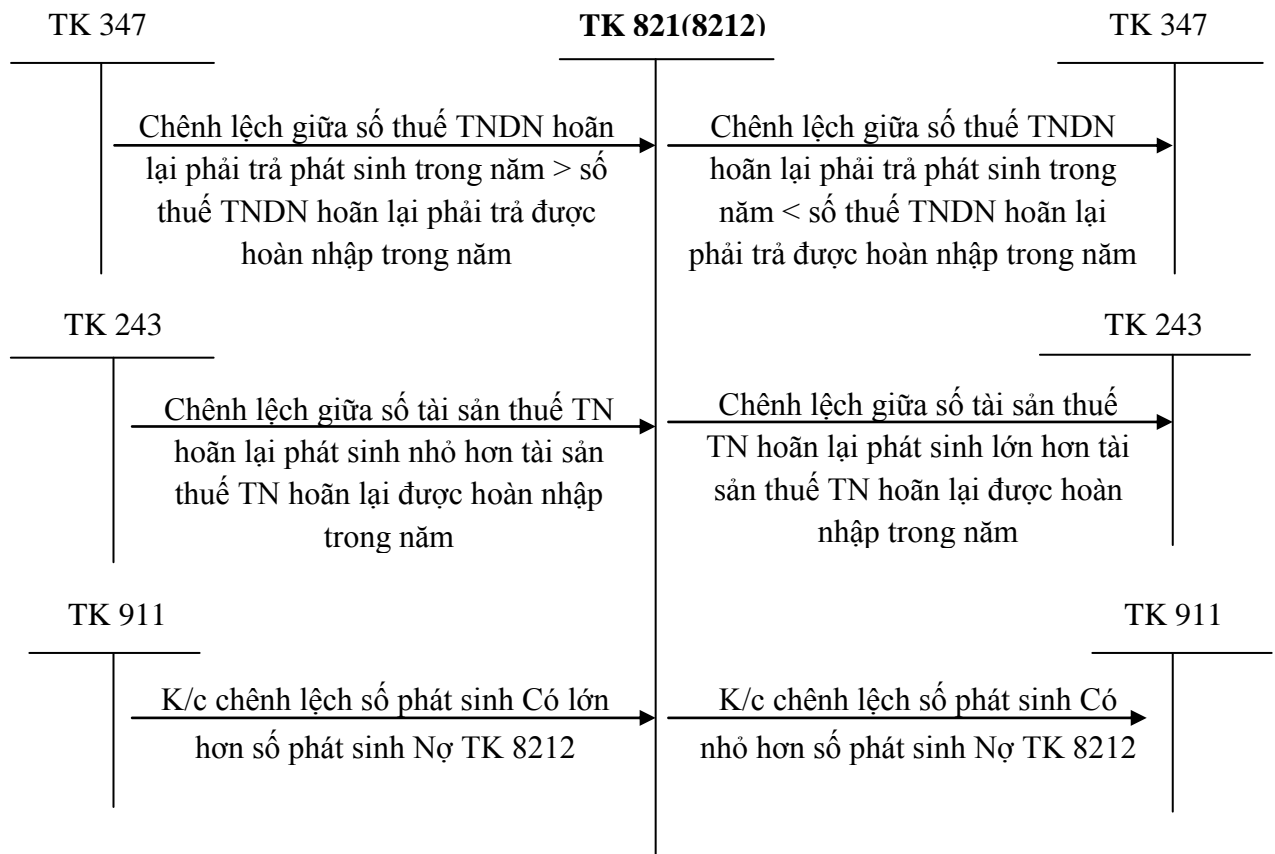
- TK 821 không có số dư cuối kỳ.

1.5.5.2. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán kế toán thuế TNDN được thể hiện trên sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự hạch toán kế toán thuế TNDN hiện hành



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự hạch toán kế toán thuế TNDN hoãn lại

1.5.6. Kế toán kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh

1.5.6.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng:

➤ **Tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh**

▪ Tài khoản này dùng để xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ hạch toán.

▪ Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 911 (chi tiết cho hoạt động sản xuất – kinh doanh):

- Bên Nợ:

- + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.
- + Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.
- + Chi phí thuế TNDN.
- + Kết chuyển lãi hoạt động sản xuất – kinh doanh.

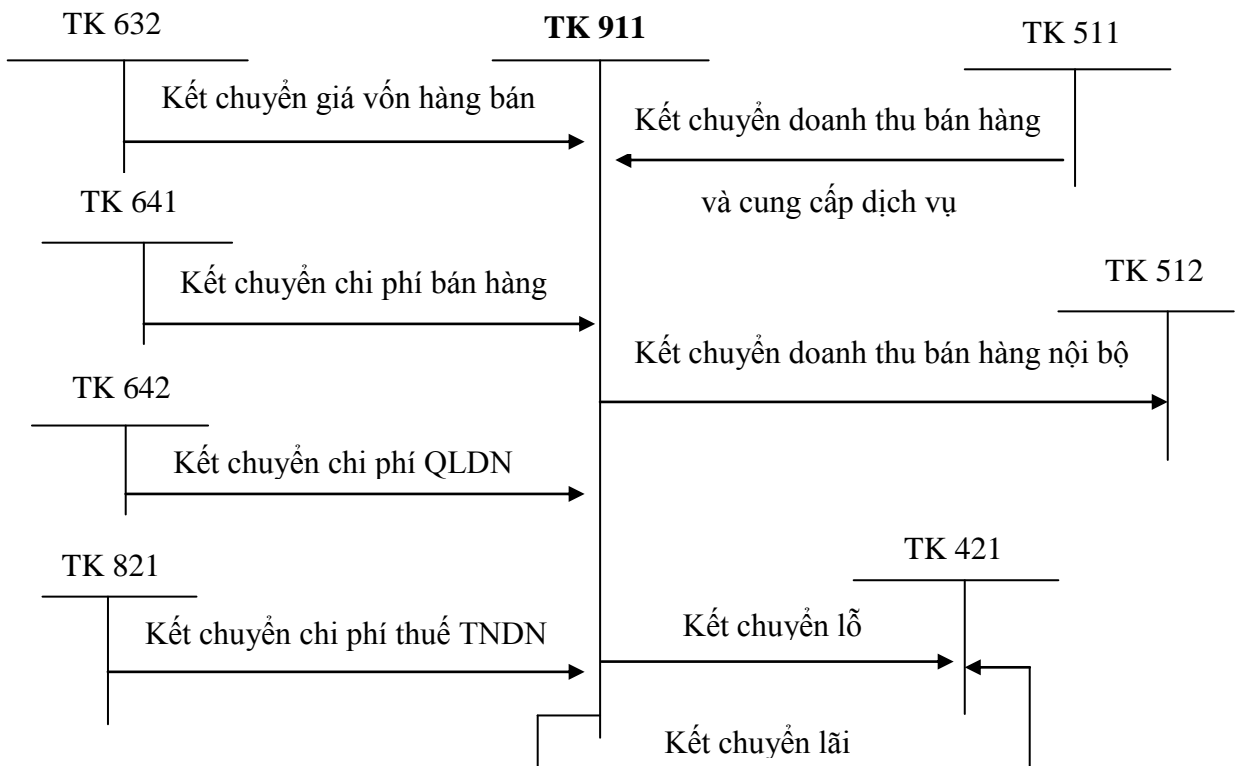
- Bên Có:

- + Doanh thu thuần của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ.

+ Kết chuyển lỗ hoạt động sản xuất – kinh doanh.

- TK 911 không có số dư cuối kỳ.

1.5.6.2. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.10: Trình tự hạch toán kế toán kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh

1.6. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính

▪ *Doanh thu hoạt động tài chính*: Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính, bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

▪ *Chi phí tài chính*: Bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ,...

▪ *Kết quả hoạt động tài chính* = *Doanh thu HĐTC* – *Chi phí tài chính*.

1.6.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo Nợ, giấy báo Có của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng:

➤ **Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính**

▪ Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

▪ Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 515:

- Bên Nợ:

+ Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)

+ Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Bên Có: Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

- TK 515 không có số dư cuối kỳ.

➤ **Tài khoản 635: Chi phí tài chính**

▪ Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ của doanh nghiệp.

▪ Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 635:

- Bên Nợ:

+ Các chi phí của hoạt động tài chính

+ Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn

+ Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế

+ Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ

+ Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

+ Chi phí đất chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng được xác định là tiêu thụ.

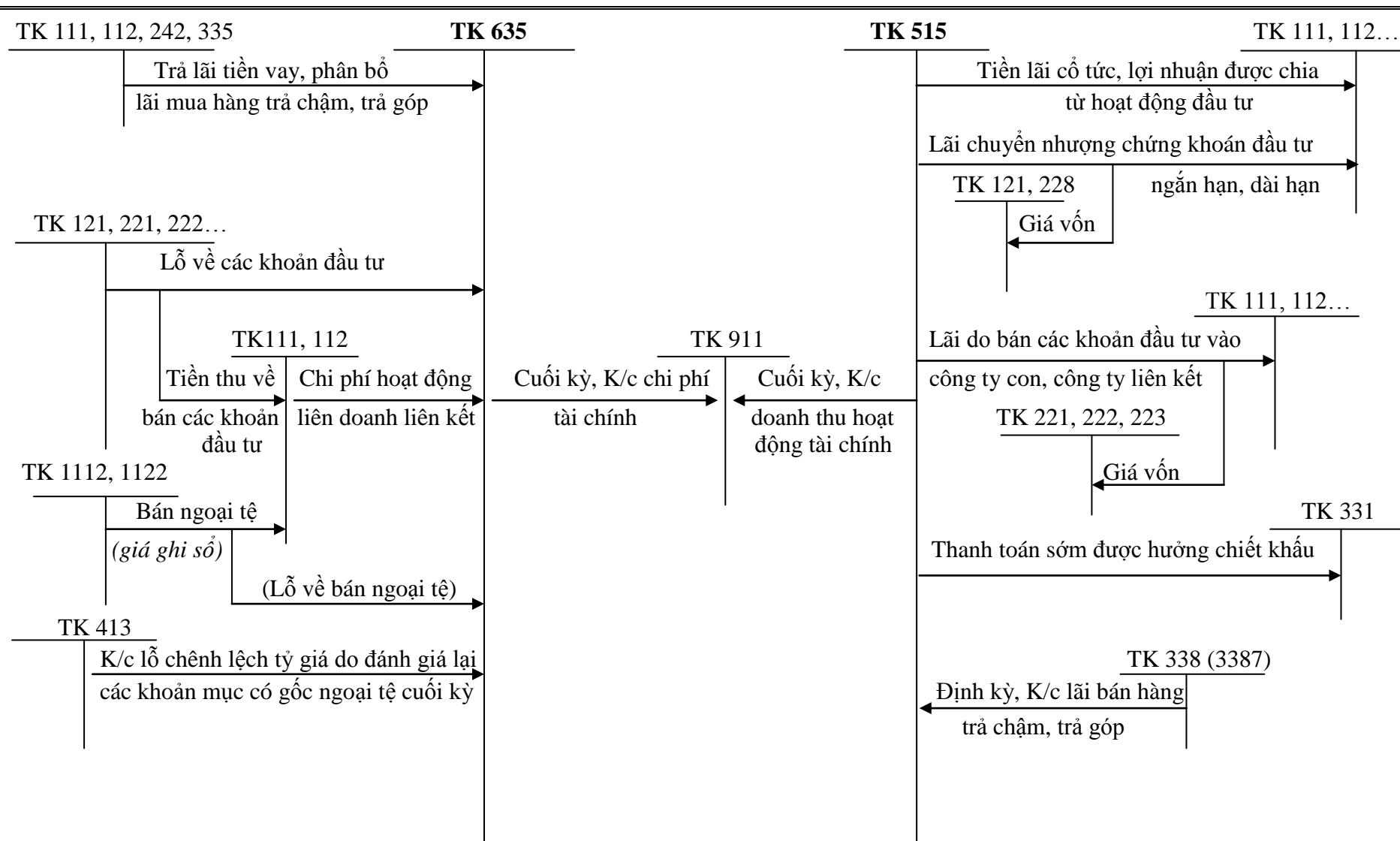
- Bên Có:

+ Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

+ Kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

- TK 635 không có số dư cuối kỳ.

1.6.2. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự hạch toán kế toán doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính

1.7. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động khác

- *Thu nhập khác*: Là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản thu không mang tính thường xuyên.
- *Chi phí khác*: Là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước.
- *Kết quả hoạt động khác* = *Thu nhập khác* – *Chi phí khác*.

1.7.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi, giấy báo Có
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan: Biên bản bàn giao thanh lý TSCĐ...

❖ Tài khoản sử dụng:

➤ Tài khoản 711: Thu nhập khác

▪ Thu nhập khác gồm:

- + Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.
- + Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- + Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
- + Các khoản thuế được ngân sách Nhà nước hoàn lại.
- + Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- + Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).
- + Thu nhập quà biếu tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- + Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản trên...
- Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 711:
 - Bên Nợ:
 - + Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác (nếu có).
 - + Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
 - Bên Có: Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
 - TK 711 không có số dư cuối kỳ.

➤ Tài khoản 811: Chi phí khác**▪ Chi phí khác gồm:**

+ Chi phí thanh lý và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán.

+ Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.

+ Bị phạt thuế, truy nộp thuế.

+ Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán.

+ Các khoản chi phí khác...

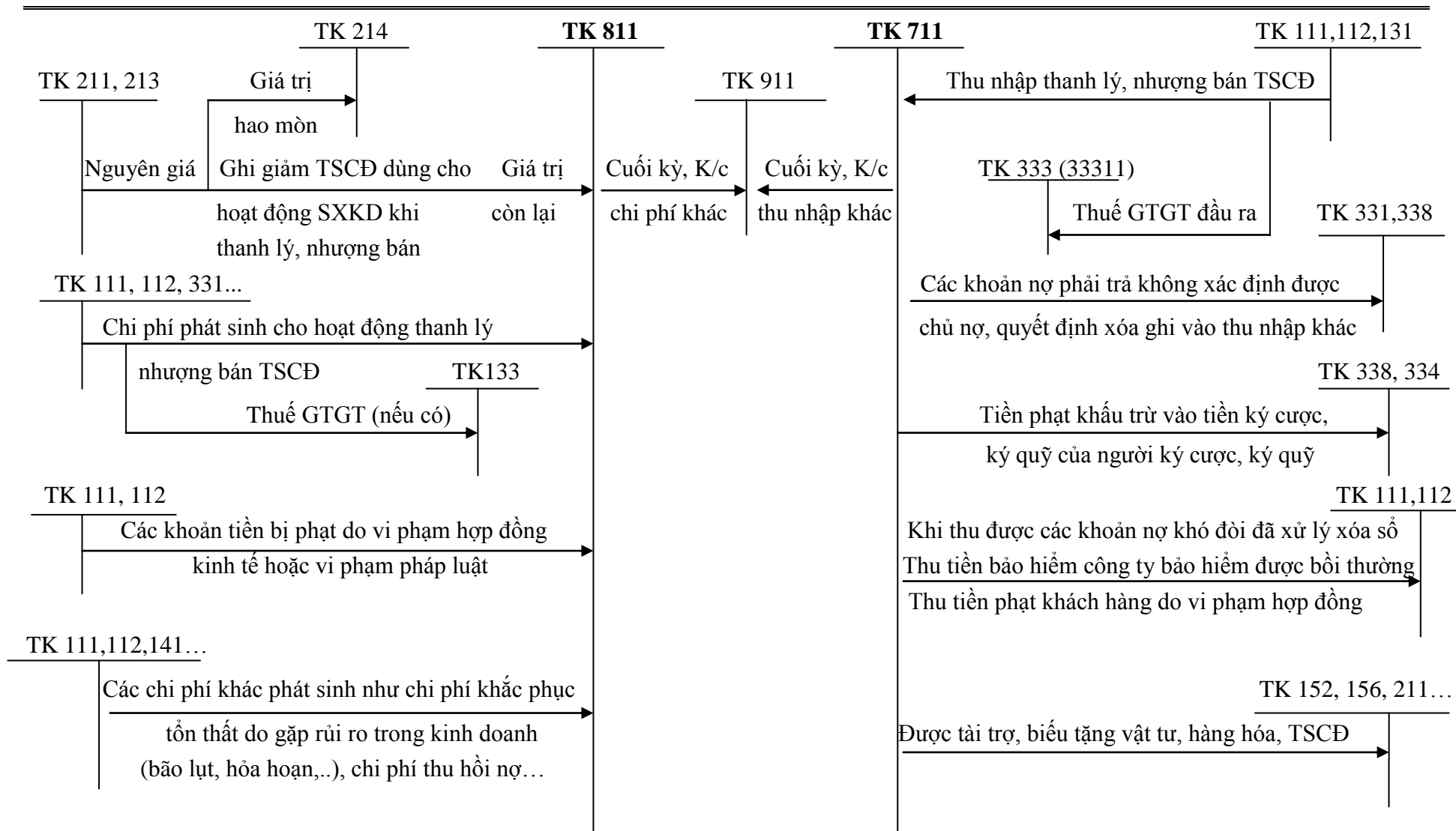
▪ Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 811:

- Bên Nợ: Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.

- Bên Có: Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

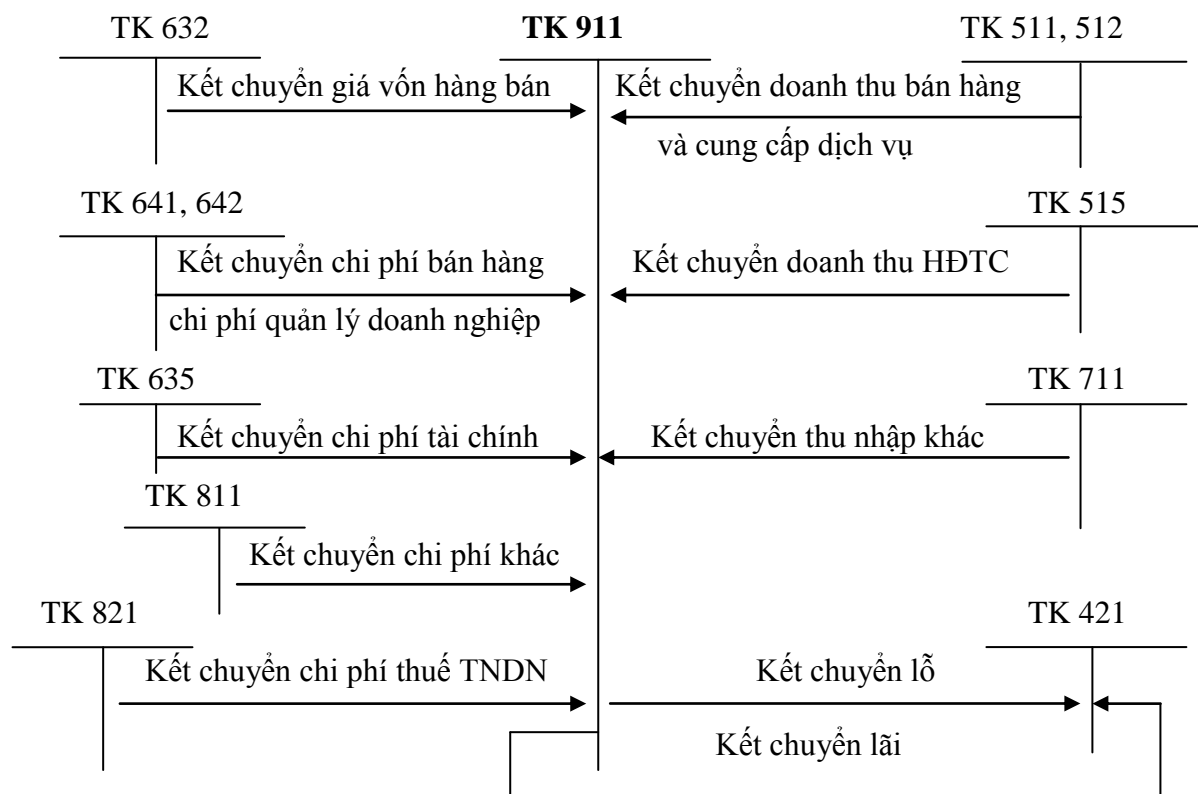
- TK 811 không có số dư cuối kỳ.

1.7.2. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự hạch toán kế toán thu nhập khác, chi phí khác

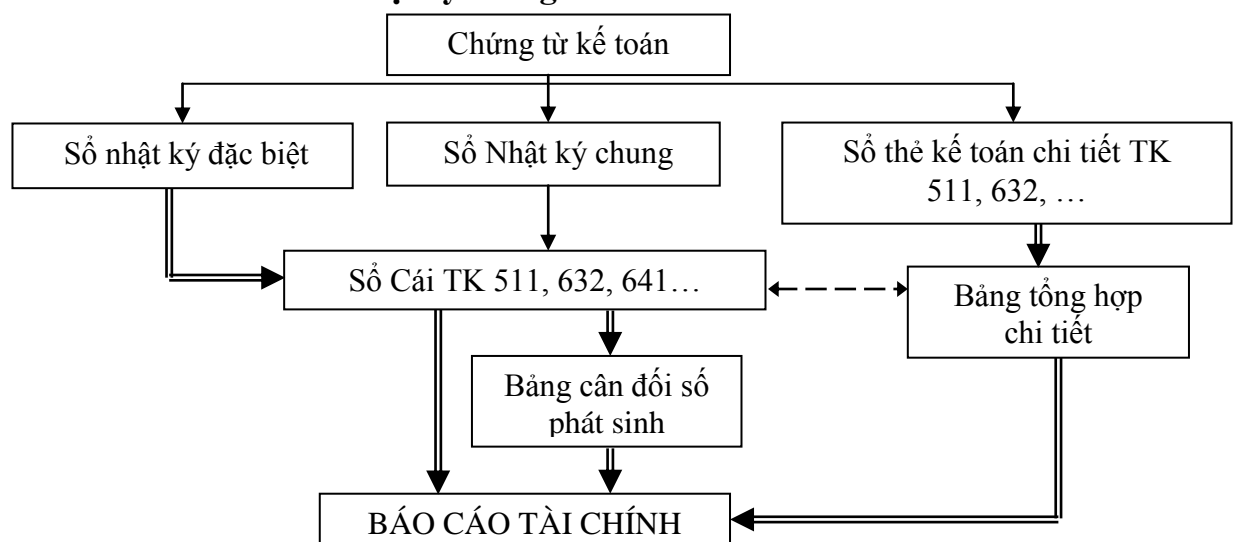
1.8. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.



Sơ đồ 1.13: Sơ đồ tổng hợp trình tự hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.9. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán.

1.9.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.

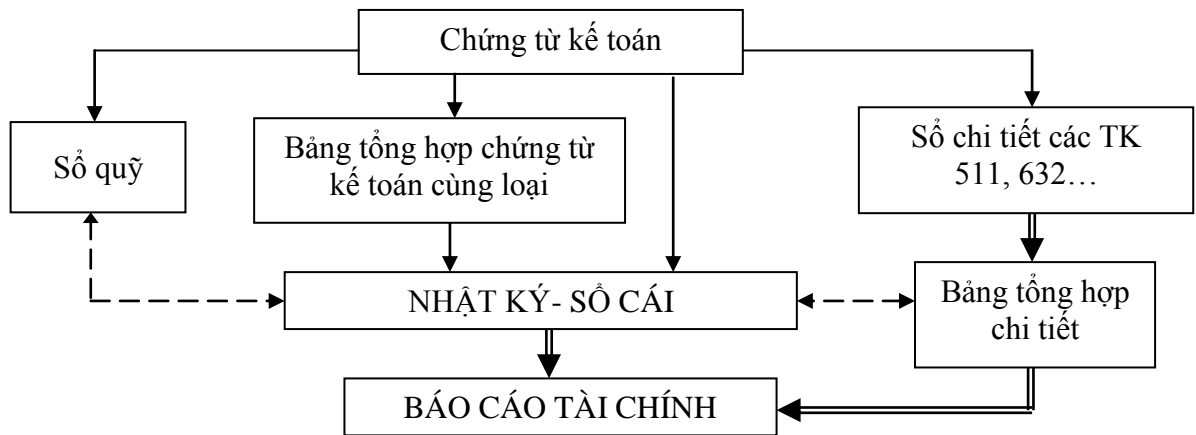


Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung

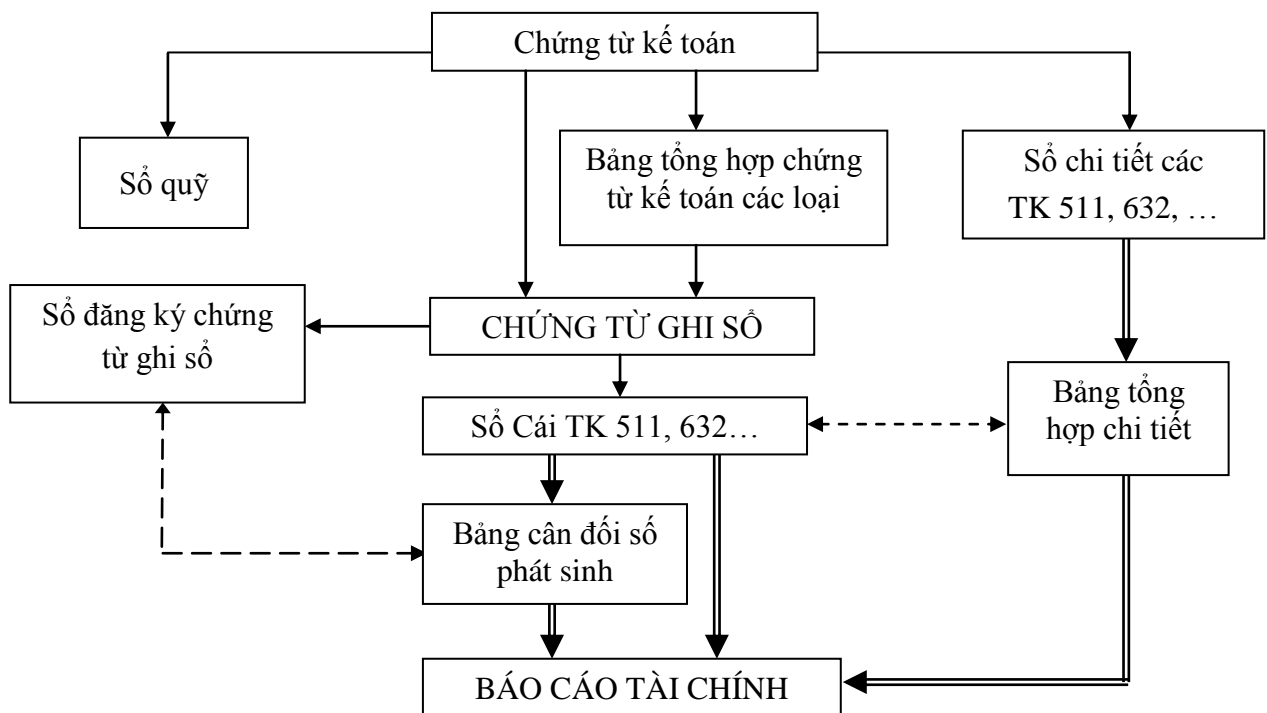
1.9.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái.



Ghi chú:
 → Ghi hàng ngày
 ==> Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 ↔ Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

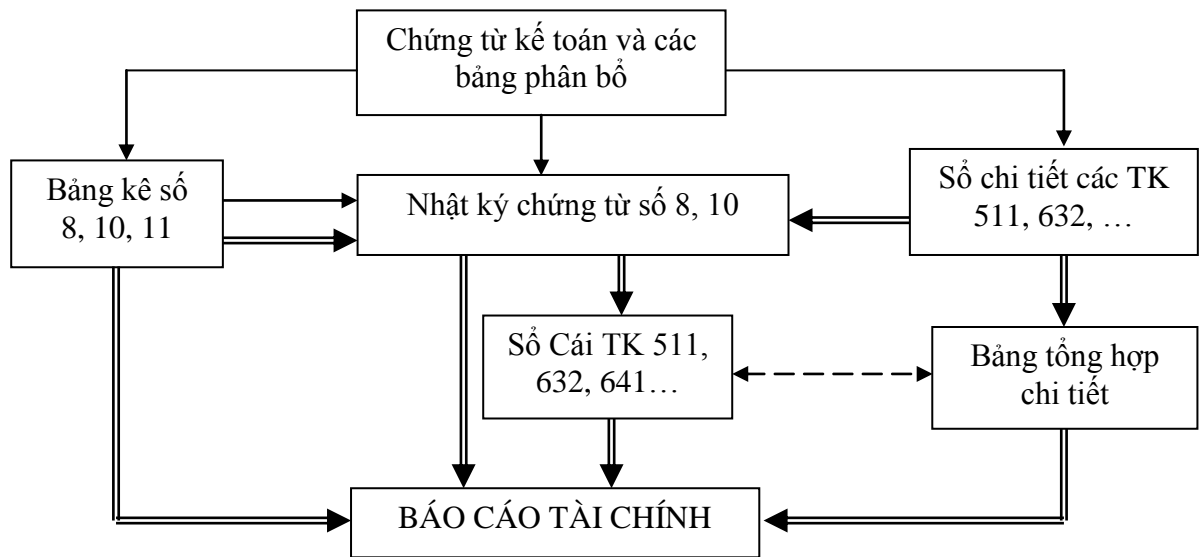
1.9.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:
 → Ghi hàng ngày
 ==> Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 ↔ Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.16: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

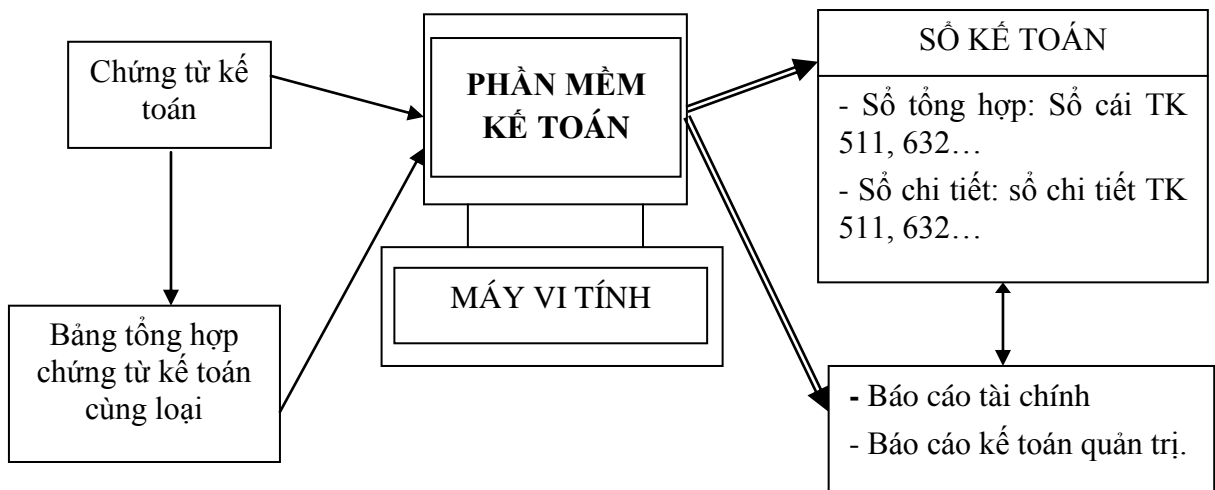
1.9.4. Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ



- Ghi chú:**
- Ghi hàng ngày
 - ==> Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 - ←→ Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.17: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ

1.9.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính



- Ghi chú:**
- Nhập số liệu hàng ngày
 - ==> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
 - ←→ Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.18: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán trên máy vi tính

CHƯƠNG 2**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH****TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI CHƯƠNG HƯƠNG**

2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương

Tên công ty bằng tiếng việt: Công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 16 Quỳnh Hoàng, xã Nam Sơn, huyện An Dương, Tp. Hải Phòng

Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH một thành viên.

Mã số thuế: 0201036366

Điện thoại: 0313. 871836

Vốn điều lệ: 2.500.000.000 đồng

Tên chủ sở hữu: Ông Lê Hùng Chương

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Giám đốc Lê Hùng Chương.

Công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương được thành lập vào ngày 19/01/2010 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201036366 của Sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng.

Ngành nghề kinh doanh: Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực thương mại dịch vụ, với các ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh các mặt hàng đèn trang trí.
- Dịch vụ vận chuyển.
- Dịch vụ giặt là, vệ sinh công nghiệp.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa, bốc xếp, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, vận tải hành khách; dịch vụ hỗ trợ vận tải: cầu và nâng cầu hàng hóa.

Sau hơn 5 năm trưởng thành và phát triển, công ty đã từng bước khẳng định được vị trí của mình trên thị trường. Hiện nay, công ty đã xây dựng cho mình một mạng lưới tiêu thụ sản phẩm rộng khắp không chỉ ở địa bàn thành phố Hải Phòng mà còn ở Hà Nội và Hải Dương. Bên cạnh đó công ty cũng có nhiều bạn hàng lâu năm và nhà cung cấp uy tín. Công ty đang ngày càng không ngừng mở rộng về quy mô và lĩnh vực hoạt động.

Sau đây là số liệu minh chứng cho sự phát triển của công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương trong 3 năm gần đây:

Biểu số 2.1: Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong 3 năm 2012 – 2013 – 2014

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1. Tổng doanh thu	11.566.076.720	15.359.668.845	20.260.741.829
2. Tổng doanh thu thuần	11.566.076.720	15.359.668.845	20.260.741.829
3. Tổng giá vốn hàng bán	11.037.538.487	14.642.588.370	19.378.965.620
4. Tổng lợi nhuận gộp	528.538.233	717.080.475	881.776.209
5. Thu nhập bình quân 1 lao động/tháng	3.500.000	3.800.000	4.200.000
6. Thuế và các khoản nộp NSNN	3.731.217	6.328.563	8.415.885
7. Vốn kinh doanh bình quân	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương)

2.1.2. Đặc điểm về hàng hóa tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương.

- Công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương là doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thương mại. Ngành nghề kinh doanh chính của công ty là phân phối các sản phẩm đèn trang trí như: đèn ốp trần, đèn treo dây thả...

- Tất cả các sản phẩm đèn trang trí được công ty phân phối trên thị trường đều là những sản phẩm có chất lượng tốt, được sản xuất theo quy trình công nghệ hiện đại với mẫu mã, chủng loại, kích cỡ, màu sắc, chất liệu đa dạng, phong phú; đảm bảo tính thẩm mỹ cao; phù hợp với nhu cầu thị hiếu của người tiêu dùng.

- Một số sản phẩm đèn trang trí của công ty được người tiêu dùng ưa chuộng nhất hiện nay là:

+ Đèn ốp trần chất liệu nhựa, kim loại, thủy tinh kích cỡ (41-80) cm.

+ Đèn treo dây thả 3 bóng, (5-6) bóng...; chất liệu bằng gốm, gỗ, pha lê...

+ Đèn ngủ gắn tường, đèn bàn, đèn chiếu sáng sân vườn...

2.1.3. Đặc điểm doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương.

- Đặc điểm doanh thu:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: chủ yếu là doanh thu từ bán các mặt hàng đèn trang trí.

+ Doanh thu hoạt động tài chính: chủ yếu là các khoản lãi tiền gửi ngân hàng.

+ Thu nhập khác: thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ.

- Đặc điểm chi phí: chi phí phát sinh chủ yếu gồm:
 - + Giá vốn hàng bán.
 - + Chi phí bán hàng: chi phí lương và khoản trích theo lương của nhân viên bán hàng, nhân viên vận chuyển; chi phí khấu hao TSCĐ; chi phí dịch vụ mua ngoài.
 - + Chi phí quản lý doanh nghiệp: chi phí lương và khoản trích theo lương của nhân viên quản lý, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí tiếp khách, chi phí mua văn phòng phẩm, chi phí dịch vụ mua ngoài.
 - + Chi phí tài chính: chủ yếu là chi phí lãi vay.
 - + Chi phí khác: chi phí phát sinh từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ.

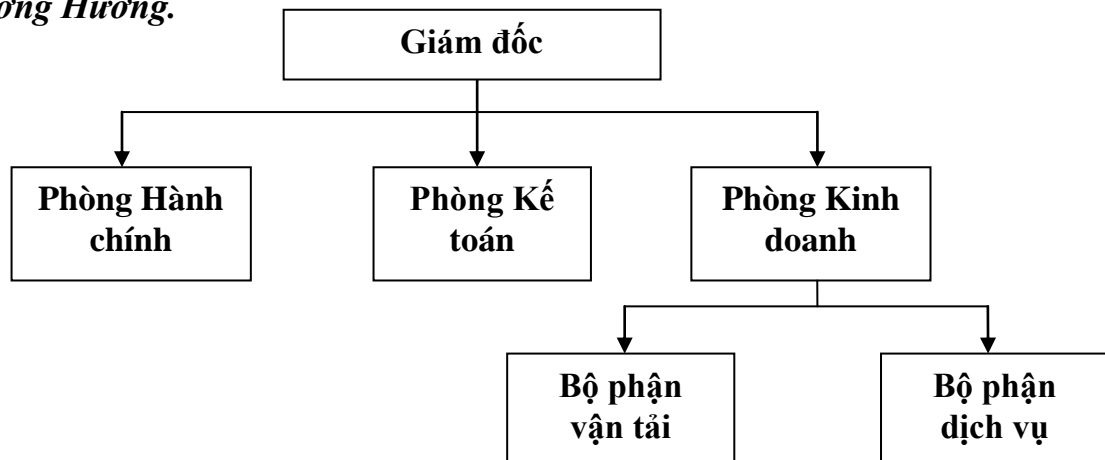
2.1.4. Đối tượng hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương

- Tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương, doanh thu và chi phí được hạch toán riêng theo từng hoạt động: Hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác.
- Kết quả kinh doanh tại công ty được tập hợp chung cho cả 3 hoạt động để xác định thuế TNDN và lợi nhuận trong kỳ của toàn doanh nghiệp.

2.1.5. Kỳ hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương.

Kỳ hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương là theo năm. Tuy nhiên để phục vụ công tác quản lý, hàng quý công ty tiến hành xác định kết quả kinh doanh để tạm xác định thuế TNDN và lợi nhuận.

2.1.6. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương.



Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương

Bộ máy quản lý của công ty được xây dựng theo mô hình trực tuyến chức năng, chỉ đạo thống nhất từ trên xuống dưới. Chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong bộ máy quản lý của công ty được quy định cụ thể như sau:

- *Giám đốc*: Là người đại diện theo pháp luật của công ty. Giám đốc có nhiệm vụ, quyền hạn cao nhất trong công ty, có toàn quyền nhân danh công ty quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty.

- *Phòng Kế toán* :

- Thực hiện các hoạt động quản lý nguồn vốn, thực hiện các chế độ chính sách kế toán tài chính theo quy định của chế độ.

- Phân tích đánh giá tình hình tài chính hiện tại của công ty, đồng thời cân đối thu chi, lập dự toán trong tương lai các vấn đề về tài chính nhằm tham mưu cho Ban Giám đốc đưa ra các quyết định về tài chính.

- Kiểm tra việc kiểm kê định kỳ hàng năm để quản lý điều hành, phục vụ quyết toán tài chính, lập các báo cáo cuối năm phục vụ nhu cầu quản lý của công ty.

- *Phòng Hành chính*:

- Tham mưu cho giám đốc về việc quản lý, công tác tổ chức nhân sự của công ty. Soạn thảo các công văn giấy tờ theo lệnh của giám đốc; tiếp nhận các công văn giấy tờ từ nơi khác gửi đến. Bảo quản các giấy tờ tài liệu.

- Thực hiện các chế độ quy định về tiền lương, thưởng cho cán bộ công nhân viên, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

- *Phòng Kinh doanh*:

- Phụ trách việc giao dịch thương mại, soạn thảo các hợp đồng kinh doanh.

- Tìm kiếm bạn hàng kinh doanh, tổ chức kế hoạch, chiến lược kinh doanh.

- Làm nhiệm vụ tham mưu giúp cho Giám đốc trong việc lập kế hoạch kinh doanh, tổ chức tiêu thụ sản phẩm. Trưởng phòng kinh doanh quản lý 2 bộ phận:

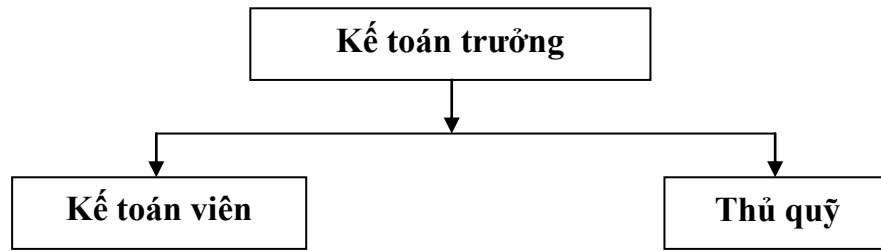
- + Bộ phận vận tải: chịu trách nhiệm nhận và vận chuyển hàng hóa đúng thời gian, địa điểm giao nhận tới khách hàng; đảm bảo cả về số lượng cũng như chất lượng hàng hóa được chuyển giao; đảm bảo tình trạng tốt nhất cho phương tiện vận tải.

- + Bộ phận dịch vụ: chịu trách nhiệm thực hiện và cung cấp cho khách hàng các dịch vụ khác của công ty như dịch vụ giặt là, vệ sinh công nghiệp nhà máy...

2.1.7. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương.

2.1.7.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương.

Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương được thể hiện trên sơ đồ sau:



**Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH thương mại vận tải
Chương Hương**

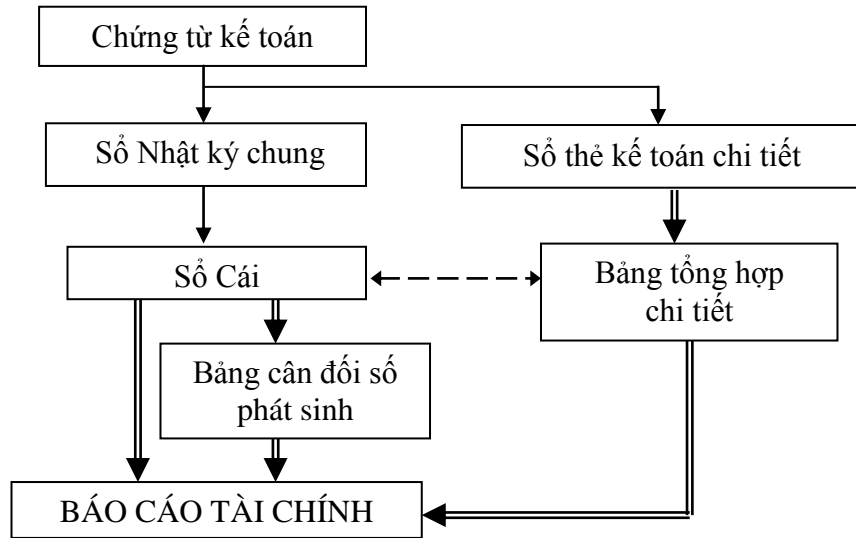
Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, dưới sự kiểm tra giám sát chặt chẽ của kế toán trưởng. Nhiệm vụ cụ thể được quy định như sau:

- **Kế toán trưởng:**
 - Phụ trách chỉ đạo toàn diện, kiểm tra giám sát chặt chẽ công tác kế toán của công ty.
 - Phân tích, cung cấp thông tin kinh tế tài chính cho Ban lãnh đạo công ty, là người chịu trách nhiệm chính cao nhất trước giám đốc và pháp luật về những số liệu báo cáo kế toán.
 - Kế toán trưởng kiêm chức trưởng phòng Kế toán và kế toán tổng hợp: xác định kết quả kinh doanh, lập báo cáo tài chính...
- **Kế toán viên:** Phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày tại công ty:
 - Theo dõi các khoản phải thu, phải trả và tình hình thanh toán các khoản công nợ của công ty. Theo dõi tình hình thu, chi tiền mặt.
 - Theo dõi, quản lý và trích khấu hao tài sản cố định của doanh nghiệp.
 - Lập bảng chấm công cho cán bộ nhân viên; lập bảng thanh toán tiền lương.
 - Theo dõi việc nhập, xuất hàng hóa; lập và quản lý các chứng từ như phiếu nhập kho, phiếu xuất kho; phản ánh tình hình tiêu thụ sản phẩm...
- **Thủ quỹ:** Chịu trách nhiệm thực hiện và theo dõi các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến thu, chi tiền mặt. Quản lý, bảo quản tiền mặt. Kiểm kê, lập sổ quỹ tiền mặt theo quy định.

2.1.7.2. Chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương.

- Kỳ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Kỳ hạch toán: theo năm.
- Chế độ, chuẩn mực kế toán áp dụng: Công ty hiện đang áp dụng chế độ kế toán ban hành theo quyết định số: 15/2006/QĐ - BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng BTC.
- Hình thức kế toán áp dụng: hình thức kế toán Nhật ký chung.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là: đồng Việt Nam.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính thuế GTGT: phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho: phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: phương pháp đường thẳng.

- Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương:



- Ghi chú:**
- Ghi hàng ngày
 - ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 - ↔ Đối chiếu, kiểm tra.

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương

2.2.1. Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương.

2.2.1.1. Nội dung hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Tài khoản sử dụng:
 - Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
 - Các TK khác có liên quan: TK 111, 112, 131, 3331...
- Chứng từ sử dụng:
 - Hóa đơn GTGT (mẫu 01-GTKT-3LL)
 - Chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng...
 - Các chứng từ liên quan khác: Hợp đồng mua bán hàng hóa, đơn đặt hàng...
- Sổ sách sử dụng:
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái TK 511.
- Nội dung hạch toán:

Ví dụ 1: Ngày 04/12/2014, công ty xuất kho đèn ngủ gắn tường, đèn treo dây thả, đèn ốp trần bán chịu cho công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Trường Hoa, tổng giá thanh toán (thuế VAT 10%) là 62.651.600 đồng theo hóa đơn GTGT số 0000317 (Biểu số 2.2).

Biểu số 2.2: Hóa đơn GTGT số 0000317

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001																
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: AA/13P																
Ngày 04 tháng 12 năm 2014			Số: 0000317																
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI CHƯƠNG HƯƠNG																			
Mã số thuế: 0201036366																			
Địa chỉ: Số 16 Quỳnh Hoàng, xã Nam Sơn, huyện An Dương, Hải Phòng																			
Điện thoại: 031.3871836																			
Số tài khoản: 73087589 tại ngân hàng Á Châu-PGD Quán Toan-Hồng Bàng-Hải Phòng																			
Họ tên người mua hàng:.....																			
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Trường Hoa.....																			
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; text-align: center;">4</td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td></tr></table>						0	2	0	1	2	1	2	6	1	4				
0	2	0	1	2	1	2	6	1	4										
Địa chỉ: 24 Lê Lợi, Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng.....																			
Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản:.....																			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
1	2	3	4	5	6=5x4														
1	Đèn ngủ gắn tường	Cái	4150	12.500	51.875.000														
2	Đèn treo dây thả (5-6) bóng	Cái	20	160.000	3.200.000														
3	Đèn ốp trần (41-80) cm	Cái	11	171.000	1.881.000														
Cộng tiền hàng					56.956.000														
Thuế GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT			5.695.600														
Tổng cộng tiền thanh toán					62.651.600														
Số tiền viết bằng chữ: Sáu mươi hai triệu sáu trăm năm mươi một ngàn sáu trăm đồng.																			
Người mua hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>															
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)</i>																			

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000317 (Biểu số 2.2), kế toán ghi nhận bút toán giá bán vào sổ Nhật ký chung như biểu số 2.7 theo định khoản:

Nợ TK 131: 62.651.600

 Có TK 511: 56.956.000

 Có TK 3331: 5.695.600

Ví dụ 2: Ngày 04/12/2014, công ty xuất kho đèn ngủ gắn tường, đèn treo dây thả, đèn ốp trần bán cho công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Hiền Vân, tổng giá thanh toán (thuế VAT 10%) là 202.455.000 đồng theo hóa đơn GTGT số 0000318 (Biểu số 2.3). Khách hàng đã chuyển khoản thanh toán tiền hàng.

Biểu số 2.3: Hóa đơn GTGT số 0000318

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001															
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: AA/13P															
Ngày 04 tháng 12 năm 2014			Số: 0000318															
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẠN TÀI CHƯƠNG HƯƠNG																		
Mã số thuế: 0201036366																		
Địa chỉ: Số 16 Quỳnh Hoàng, xã Nam Sơn, huyện An Dương, Hải Phòng																		
Điện thoại: 031.3871836																		
Số tài khoản: 73087589 tại ngân hàng Á Châu-PGD Quán Toan-Hồng Bàng-Hải Phòng																		
Họ tên người mua hàng:.....																		
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Hiền Vân.....																		
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td></tr></table>						0	2	0	0	6	5	2	6	5	1			
0	2	0	0	6	5	2	6	5	1									
Địa chỉ: Số 92 Đường Hàng Kênh, Phường Hàng Kênh, Quận Lê Chân, TP. Hải Phòng.....																		
Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số tài khoản:.....																		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền													
1	2	3	4	5	6=5x4													
1	Đèn treo dây thả (10-12) bóng	Cái	50	272.000	13.600.000													
2	Đèn treo dây thả (5-6) bóng	Cái	50	160.000	8.000.000													
3	Đèn ốp trần (41-80) cm	Cái	300	171.000	51.300.000													
4	Đèn treo dây thả 3 bóng	Cái	50	123.000	6.150.000													
5	Đèn ngủ gắn tường	Cái	8400	12.500	105.000.000													
Cộng tiền hàng					184.050.000													
Thuế GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT		18.405.000													
Tổng cộng tiền thanh toán					202.455.000													
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm linh hai triệu bốn trăm năm mươi năm ngàn đồng.																		
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị														
(ký, ghi rõ họ tên)		(ký, ghi rõ họ tên)		(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)														
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)																		

Người mua thanh toán ngay cho doanh nghiệp bằng chuyển khoản, chứng từ thể hiện việc đã thanh toán là Giấy báo có số 35 (Biểu số 2.4).

Biểu số 2.4: Giấy báo có số 35

Ngân hàng Á Châu	GIẤY BÁO CÓ	Mã GDV: DIEMDHQTO
Chi nhánh: ACB-PGD Quán Toan	Ngày: 04/12/2014	Mã KH: 792343
		Số GD: 35
Kính gửi: Công ty TNHH Thương Mại Vận Tải Chương Hương		
Mã số thuế: 0201036366		
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:		
Số tài khoản ghi CÓ: 73087589		
Số tiền bằng số: 202.455.000		
Số tiền bằng chữ: Hai trăm linh hai triệu bốn trăm năm mươi năm ngàn đồng.		
Nội dung:		
##Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Hiền Vân thanh toán tiền hàng##		
Giao dịch viên		Kiểm soát

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000318 (Biểu số 2.3) và giấy báo Có số 35 (Biểu số 2.4), kế toán ghi nhận bút toán giá bán vào sổ Nhật ký chung như biểu số 2.7 theo định khoản:

Nợ TK 112: 202.455.000

Có TK 511: 184.050.000

Có TK 3331: 18.405.000

Ví dụ 3: Ngày 11/12/2014, công ty xuất kho đèn treo dây thả 3 bóng bán cho khách hàng Nguyễn Hồng Bạch đã thu bằng tiền mặt, tổng giá thanh toán (thuế VAT 10%) là 6.088.500 đồng theo hóa đơn GTGT số 0000327 (Biểu số 2.5).

Biểu số 2.5: Hóa đơn GTGT số 0000327

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: AA/13P		
Ngày 11 tháng 12 năm 2014			Số: 0000327		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI CHƯƠNG HƯƠNG					
Mã số thuế: 0201036366					
Địa chỉ: Số 16 Quỳnh Hoàng, xã Nam Sơn, huyện An Dương, Hải Phòng					
Điện thoại: 031.3871836					
Số tài khoản: 73087589 tại ngân hàng Á Châu-PGD Quán Toan-Hồng Bàng-Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Hồng Bạch					
Tên đơn vị:					
Mã số thuế: <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
Địa chỉ: Lô 77/20 – Khu 1, Phường Thanh Bình, Thành phố Hải Dương.					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Đèn treo dây thả 3 bóng	Cái	45	123.000	5.535.000
Cộng tiền hàng					5.535.000
Thuế GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT		553.500
Tổng cộng tiền thanh toán					6.088.500
Số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu không trăm tám mươi tám ngàn năm trăm đồng.					
Người mua hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)</i>					

Khách hàng thanh toán ngay cho doanh nghiệp bằng tiền mặt, kế toán lập phiếu thu số 10 để ghi nhận việc khách hàng đã thanh toán như biểu số 2.6.

Biểu số 2.6: Phiếu thu số 10

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẠN		Mẫu số: 01 - TT		
TẢI CHƯƠNG HƯƠNG		(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC		
Số 16 Quỳnh Hoàng, xã Nam Sơn, huyện		ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)		
An Dương, Hải Phòng.				
PHIẾU THU		Quyển số: 12		
Ngày 11 tháng 12 năm 2014		Số: PT10		
		Nợ: 111		
		Có: 511, 3331		
Họ và tên người nộp tiền: Nguyễn Hồng Bạch				
Địa chỉ: Lô 77/20 – Khu 1, Phường Thanh Bình, Thành phố Hải Dương.				
Lý do nộp: Thu tiền hàng				
Số tiền: 6.088.500 đồng.....(Viết bằng chữ): Sáu triệu không trăm tám mươi tám ngàn năm trăm đồng.				
Kèm theo:Chứng từ gốc.				
Ngày 11 tháng 12 năm 2014				
Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000327 (Biểu số 2.5) và phiếu thu số 10 (Biểu số 2.6), kế toán ghi nhận bút toán giá bán vào sổ Nhật ký chung như biểu số 2.7 theo định khoản:

Nợ TK 111: 6.088.500
 Có TK 511: 5.535.000
 Có TK 3331: 553.500

Biểu số 2.7: Sổ Nhật ký chung

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẠN TÀI
CHƯƠNG HƯƠNG

Mẫu số: S03a – DN

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC)

Địa chỉ: Số 16 Quỳnh Hoàng, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương,
TP. Hải Phòng

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Trích SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang	
					
					
04/12/2014	HĐ 0000 317	04/12/2014	Xuất kho đèn bán cho công ty Trường Hoa	131	62.651.600	
				511		56.956.000
				3331		5.695.600
					
04/12/2014	HĐ 0000 318; GBC35	04/12/2014	Xuất kho đèn bán cho công ty Hiền Vân	112	202.455.000	
				511		184.050.000
				3331		18.405.000
					
					
11/12/2014	HĐ 0000 327; PT10	11/12/2014	Xuất kho đèn bán cho khách hàng, thu bằng tiền mặt.	111	6.088.500	
				511		5.535.000
				3331		553.500
					
			Cộng phát sinh Quý 4		52.664.407.830	52.664.407.830
			Cộng lũy kế từ đầu năm		202.657.631.344	202.657.631.344

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại vạn tài Chương Hương)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.7) kế toán phản ánh vào sổ Cái TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” như Biểu số 2.8.

Biểu số 2.8: Sổ cái tài khoản 511

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI

Mẫu số: S03b – DN

CHƯƠNG HƯƠNG

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC

Địa chỉ: Số 16 Quỳnh Hoàng, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương,
TP. Hải Phòng

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Trích SỔ CÁI

(theo hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2014

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		<u> </u>	<u> </u>
					
04/12/2014	HĐ 0000 317	04/12/2014	Xuất kho đèn bán cho công ty Trường Hoa.	131		56.956.000
04/12/2014	HĐ 0000 318, GBC35	04/12/2014	Xuất đèn bán cho công ty Hiền Vân	112		184.050.000
					
11/12/2014	HĐ 0000 327; PT10	11/12/2014	Xuất kho đèn bán cho khách hàng.	111		5.535.000
					
31/12/2014	PKT 44	31/12/2014	Kết chuyển doanh thu bán hàng và CCDV quý 4/2014	911	5.665.185.455	
			Cộng phát sinh Quý 4		5.665.185.455	5.665.185.455
			Cộng lũy kế từ đầu năm		20.260.741.829	20.260.741.829
			Số dư cuối năm		<u> </u>	<u> </u>

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương)

2.2.1.2. Nội dung hạch toán giá vốn hàng bán

- Tài khoản sử dụng:
 - Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán
 - Các TK khác có liên quan: TK 156
- Chứng từ sử dụng:
 - Phiếu xuất kho
 - Các chứng từ liên quan khác: Hợp đồng mua bán hàng hóa, đơn đặt hàng,...
- Sổ sách sử dụng:
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái TK 632.
- Nội dung hạch toán:

Ví dụ 1: Ngày 04/12/2014, công ty xuất kho đèn ngủ gắn tường, đèn treo dây thả, đèn ốp trần bán chịu cho công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Trường Hoa, theo hóa đơn GTGT số 0000317.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000317 (Biểu số 2.2), kế toán lập phiếu xuất kho số 1/12 (Biểu số 2.9).

Biểu số 2.9: Phiếu xuất kho số 1/12

Công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương

Số 16 Quỳnh Hoàng, xã Nam Sơn, huyện An Dương,
TP.Hải Phòng

Mẫu số : 02- VT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 04 tháng 12 năm 2014

Nợ: 632

Số: PX1/12

Có: 156

Họ tên người nhận hàng: Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Trường Hoa.

Địa chỉ (Bộ phận): 24 Lê Lợi, Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng.

Lý do xuất kho: Xuất bán hàng hóa

Xuất tại kho (ngăn lô): Hàng hóa

Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã hàng	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Đèn ngủ gắn tường	ĐNGT	Cái	4150	4150	11.152	46.280.800
2	Đèn treo dây thả (5-6) bóng	ĐTD5	Cái	20	20	156.180	3.123.600
3	Đèn ốp trần (41-80) cm	ĐOT	Cái	11	11	167.335	1.840.685
Cộng							51.245.085

Biểu số 2.10: Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa

Công ty TNHH Thương Mại Vận Tải Chương Hương
Số 16 Quỳnh Hoàng, xã Nam Sơn, huyện An Dương, TP.Hải Phòng

Mẫu số: S10-DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Trích SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Tháng 12 năm 2014

Tài khoản: 156 Tên kho: Hàng hóa

Tên, quy cách vật liệu, hàng hóa: Đền ngũ gấn tường

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Đơn vị tính	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày tháng					SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
		Số dư đầu kỳ		11.000						1500	16.500.000
		SPS trong kỳ									
PN1/12	01/12/2014	Mua hàng hóa nhập kho	331	11.170	cái	12550	140.183.500			14050	156.683.500
PX1/12	04/12/2014	Xuất kho hàng hóa	632	11.152	cái			4150	46.280.800	9900	110.402.700
PX2/12	04/12/2014	Xuất kho hàng hóa	632	11.152	cái			8400	93.676.800	1500	16.725.900
										
		Cộng số phát sinh				72531	810.056.115	74031	826.556.115		
		Số dư cuối kỳ								-	-

Căn cứ vào sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa mở chi tiết cho đèn ngủ gắn tường như biểu số 2.10; kế toán xác định trị giá vốn xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn như sau:

- Đèn ngủ gắn tường:

Số đèn ngủ gắn tường tồn đầu tháng 12: 1500 cái trị giá 16.500.000 đồng.

Ngày 1/12/2014: nhập kho 12550 cái trị giá 140.183.500 đồng.

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá bình quân gia} & & \text{Trị giá hàng tồn sau ngày 1/12} \\ \text{quyền sau ngày 1/12} & = & \frac{\text{Lượng hàng tồn sau ngày 1/12}}{\text{Lượng hàng tồn sau ngày 1/12}} \\ & = & \frac{16.500.000 + 140.183.500}{1500 + 12550} = 11.152 \text{ đồng/cái} \end{aligned}$$

Trị giá xuất kho đèn ngủ gắn tường ngày 04/12 = 11.152 x 4150 = 46.280.800 đồng.

Tính tương tự cho trị giá xuất kho của đèn treo dây thả (5-6) bóng, đèn ốp trần (41-80) cm.

Căn cứ vào phiếu xuất kho số 1/12 (Biểu số 2.9), kế toán ghi nhận bút toán giá vốn vào sổ Nhật ký chung như biểu số 2.13 theo định khoản:

Nợ TK 632: 51.245.085

Có TK 156: 51.245.085

Ví dụ 2: Ngày 04/12/2014, công ty xuất kho đèn ngủ gắn tường, đèn treo dây thả, đèn ốp trần bán chịu cho công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Hiền Vân theo hóa đơn GTGT số 0000318.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000318 (Biểu số 2.3), kế toán lập phiếu xuất kho số 2/12 (Biểu số 2.11).

Biểu số 2.11: Phiếu xuất kho số 2/12

Công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương

Mẫu số : 02- VT

Số 16 Quỳnh Hoàng, xã Nam Sơn, huyện An Dương,

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

TP.Hải Phòng

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 04 tháng 12 năm 2014

Nợ: 632

Số: PX2/12

Có: 156

Họ tên người nhận hàng: Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Hiền Vân

Địa chỉ (Bộ phận): Số 92 Đường Hàng Kênh, Phường Hàng Kênh, Quận Lê Chân, Hải Phòng.

Lý do xuất kho: Xuất bán hàng hóa

Xuất tại kho (ngăn lô): Hàng hóa

Địa điểm:

STT	Tên hàng hóa	Mã hàng	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Đèn treo dây thả (10-12) bóng	ĐTD10	Cái	50	50	267.694	13.384.700
2	Đèn treo dây thả (5-6) bóng	ĐTD5	Cái	50	50	156.180	7.809.000
3	Đèn ốp trần (41-80) cm	ĐOT	Cái	300	300	167.335	50.200.500
4	Đèn treo dây thả 3 bóng	ĐDT3	Cái	50	50	120.489	6.024.450
5	Đèn ngủ gắn tường	ĐNGT	Cái	8400	8400	11.152	93.676.800
	Cộng						171.095.450

Căn cứ vào phiếu xuất kho số 2/12 (Biểu số 2.11), kế toán ghi nhận bút toán giá vốn vào sổ Nhật ký chung như biểu số 2.13 theo định khoản:

Nợ TK 632: 171.095.450

Có TK 156: 171.095.450

Ví dụ 3: Ngày 11/12/2014, công ty xuất kho đèn treo dây thả 3 bóng bán cho khách hàng Nguyễn Hồng Bạch theo hóa đơn GTGT số 0000327.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000327 (Biểu số 2.5), kế toán lập phiếu xuất kho số 13/12 (Biểu số 2.12).

Biểu số 2.12: Phiếu xuất kho số 13/12

Công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương

Số 16 Quỳnh Hoàng, xã Nam Sơn, huyện An Dương,
TP.Hải Phòng

Mẫu số : 02- VT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 11 tháng 12 năm 2014

Nợ: 632

Số: PX13/12

Có: 156

Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Hồng Bạch

Địa chỉ (Bộ phận): Lô 77/20 – Khu 1, Phường Thanh Bình, Thành phố Hải Dương.

Lý do xuất kho: Xuất bán hàng hóa

Xuất tại kho (ngăn lô): Hàng hóa

Địa điểm:

STT	Tên hàng hóa	Mã hàng	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Đèn treo dây thả 3 bóng	ĐDT3	Cái	45	45	120.489	5.422.005
	Cộng						5.422.005

Căn cứ vào phiếu xuất kho số 13/12 (Biểu số 2.12), kế toán ghi nhận bút toán giá vốn vào sổ Nhật ký chung như biểu số 2.13 theo định khoản:

Nợ TK 632: 5.422.005

Có TK 156: 5.422.005

Biểu số 2.13: Sổ Nhật ký chung

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI
CHƯƠNG HƯƠNG

Mẫu số: S03a – DN

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC

Địa chỉ: Số 16 Quỳnh Hoàng, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương,
TP. Hải Phòng

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Trích SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang	
					
04/12/2014	PX 1/12; HĐ 0000 317	04/12/2014	Xuất kho đèn bán cho công ty Trường Hoa.	632	51.245.085	
				156		51.245.085
				131	62.651.600	
				511		56.956.000
				3331		5.695.600
04/12/2014	PX 2/12; HĐ 0000 318; GBC35	04/12/2014	Xuất kho đèn bán cho công ty Hiền Vân.	632	171.095.450	
				156		171.095.450
				112	202.455.000	
				511		184.050.000
				3331		18.405.000
					
11/12/2014	PX 13/12; HĐ 0000 327; PT10	11/12/2014	Xuất kho đèn bán cho khách hàng, thu bằng tiền mặt	632	5.422.005	
				156		5.422.005
				111	6.088.500	
				511		5.535.000
				3331		553.500
					
			Cộng phát sinh Quý 4		52.664.407.830	52.664.407.830
			Cộng lũy kế từ đầu năm		202.657.631.344	202.657.631.344

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.13), kế toán phản ánh vào sổ Cái TK 632 “Giá vốn hàng bán” như Biểu số 2.14.

Biểu số 2.14: Sổ cái tài khoản 632

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI CHƯƠNG HƯƠNG

Mẫu số: S03b – DN

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC)

Địa chỉ: Số 16 Quỳnh Hoàng, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, TP. Hải Phòng

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Trích SỔ CÁI

(theo hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2014

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		<u> </u>	<u> </u>
					
04/12/2014	PX 1/12	04/12/2014	Xuất kho đèn bán cho công ty Trường Hoa.	156	51.245.085	
04/12/2014	PX 2/12	04/12/2014	Xuất kho đèn bán cho công ty Hiền Vân	156	171.095.450	
					
11/12/2014	PX 13/12	11/12/2014	Xuất kho đèn bán cho khách hàng	156	5.422.005	
					
31/12/2014	PKT 45	31/12/2014	Kết chuyển giá vốn hàng bán Quý 4/2014	911		5.439.894.308
			Cộng phát sinh Quý 4		5.439.894.308	5.439.894.308
			Cộng lũy kế từ đầu năm		19.378.965.620	19.378.965.620
			Số dư cuối năm		<u> </u>	<u> </u>

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương)

2.2.1.3. Nội dung hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

- Tài khoản sử dụng:
 - Tài khoản 641: Chi phí bán hàng
 - Tài khoản 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp.
 - Các TK khác có liên quan: TK 111, 112, 133...
- Chứng từ sử dụng:
 - Hóa đơn GTGT
 - Phiếu chi, ủy nhiệm chi, giấy báo nợ của ngân hàng...
 - Các chứng từ khác có liên quan: Bảng thanh toán tiền lương, Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ...
- Sổ sách sử dụng:
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái TK 641, 642.
- Nội dung hạch toán:

Ví dụ 1: Ngày 05/12/2014, công ty thanh toán tiền cước dịch vụ viễn thông tháng 11/2014 bằng tiền mặt, tổng thanh toán là 440.361 đồng (thuế GTGT 10%).

Căn cứ vào hóa đơn dịch vụ viễn thông (Biểu số 2.15) kế toán đã lập phiếu chi số 04 (Biểu số 2.16) để thanh toán cho đơn vị bán.

Dựa vào hóa đơn dịch vụ viễn thông và phiếu chi số 04, kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.19) theo định khoản:

Nợ TK 642:	400.328
Nợ TK 133:	40.033
Có TK 111:	440.361

Biểu số 2.15: Hóa đơn dịch vụ viễn thông

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)

Mẫu số: 01GTKT2/001

Ký hiệu (Serial No): AA/14P

Số (No): 2186558

Liên 2: Giao cho người mua (Customer copy)

Mã số thuế:

0	2	0	0	2	8	7	9	7	7				
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--	--

Viễn thông Hải Phòng

Địa chỉ: Số 5 Nguyễn Tri Phương, phường Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng

Tên khách hàng (Customer's name): Công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương

Địa chỉ (Address): Số 16 Quỳnh Hoàng, xã Nam Sơn, huyện An Dương, HP

Số điện thoại (Tel): 031.3871836

Mã số (code):

HPG-05-469314(H_AHAI_22-01-0422)

Hình thức thanh toán (Kind of Payment):

TM/CK

MST:

0	2	0	1	0	3	6	3	6	6				
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--	--

STT (NO.)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG (QUANTITY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VND
1	2	3	4	5	6=4x5
	Kỳ cước tháng 11/2014				
	a.Cước dịch vụ viễn thông				400.328
	b.Cước dịch vụ viễn thông không thuế				0
	c.Chiết khấu + đa dịch vụ				0
	d.Khuyến mại				0
	e.Trừ đặt cọc + Trích thưởng + Nợ cũ				0
(a+b-c-d)		Cộng tiền dịch vụ (Total) (1):			400.328
Thuế suất GTGT (VAT rate):		Tiền thuế GTGT (VAT amount) (2):			40.033
(1+2-e)		Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (1+2):			440.361

Số tiền viết bằng chữ (in words): Bốn trăm bốn mươi ngàn, ba trăm sáu mươi một đồng.....

Ngày 05 tháng 12 năm 2014

Người nộp tiền ký
(Signature of payer)

Nhân viên giao dịch ký
(Signature of dealling staff)

Biểu số 2.16: Phiếu chi số 04

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẠN		Mẫu số: 02 - TT		
TÀI CHƯƠng HƯƠNG		(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ/ BTC		
Số 16 Quỳnh Hoàng, xã Nam Sơn, huyện		Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)		
An Dương, Hải Phòng.				
PHIẾU CHI		Quyển số: 12		
<i>Ngày 05 tháng 12 năm 2014</i>		Số: PC04		
		Nợ: 642, 133		
		Có: 111		
Họ và tên người nhận tiền: Viễn thông Hải Phòng				
Địa chỉ:				
Lý do nộp: Thanh toán cước dịch vụ viễn thông tháng 11/2014				
Số tiền: 440.361 đồng.....(Viết bằng chữ): <i>Bốn trăm bốn mươi ngàn ba trăm sáu mươi một đồng./.</i>				
Kèm theo:Chứng từ gốc.				
		<i>Ngày 05 tháng 12 năm 2014</i>		
Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
<i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>

Ví dụ 2: Ngày 31/12/2014, dựa vào Bảng phân bổ tiền lương (Biểu số 2.17) kế toán ghi nhận bút toán tiền lương và các khoản trích theo lương vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.19) theo định khoản:

- a. Nợ TK 641: 10.900.000
 Nợ TK 642: 19.500.000
 Có TK 334: 30.400.000
- b. Nợ TK 641: 2.616.000
 Nợ TK 642: 4.680.000
 Nợ TK 334: 3.192.000
 Có TK 338: 10.488.000

Biểu số 2.17: Bảng phân bổ tiền lương

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI CHƯƠNG HƯƠNG

Địa chỉ: Số 16 Quỳnh Hoàng, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, TP. Hải Phòng

Mẫu số: 11 – LĐTL

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG

Tháng 12 năm 2014

STT	Ghi có TK Đối tượng sử dụng (Ghi Nợ các TK)	TK 334 – Phải trả người lao động		TK 338 – Phải trả, phải nộp khác					Tổng cộng
		Lương thực tế phải trả	Cộng Có TK 334	BHXH (26%)	BHYT (4.5%)	BHTN (2%)	KPCĐ (2%)	Cộng Có TK 338	
1	TK 641	10.900.000	10.900.000	1.962.000	327.000	109.000	218.000	2.616.000	13.516.000
2	TK 642	19.500.000	19.500.000	3.510.000	585.000	195.000	390.000	4.680.000	24.180.000
3	TK 334			2.432.000	456.000	304.000		3.192.000	3.192.000
	Tổng cộng	30.400.000	30.400.000	7.904.000	1.368.000	608.000	608.000	10.488.000	40.888.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương)

Ví dụ 3: Ngày 31/12/2014, căn cứ vào Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Biểu số 2.18) kế toán ghi nhận bút toán khấu hao TSCĐ vào sổ Nhật ký chung như biểu số 2.19 theo định khoản:

Nợ TK 641: 8.626.894

Nợ TK 642: 4.270.833

Có TK 214: 12.897.727

Biểu số 2.18: Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI CHƯƠNG HƯƠNG

Địa chỉ: Số 16 Quỳnh Hoàng, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, TP. Hải Phòng

Mẫu số: 06 – TSCĐ

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCĐ

Tháng 12 năm 2014

STT	Chỉ tiêu	Nơi sử dụng TSCĐ		TK 641	TK 642
		Toàn doanh nghiệp			
		Nguyên giá	Số khấu hao		
1	Số KH trích tháng trước	1.448.181.819	15.814.394	11.543.561	4.270.833
2	Số KH TSCĐ tăng trong tháng	-	-	-	-
3	Số KH TSCĐ giảm trong tháng	210.000.000	2.916.667	2.916.667	-
4	Số KH trích tháng này	1.238.181.819	12.897.727	8.626.894	4.270.833

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương)

Biểu số 2.19: Sổ Nhật ký chung

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI

Mẫu số: S03a – DN

CHƯƠNG HƯƠNG

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC

Địa chỉ: Số 16 Quỳnh Hoàng, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương,

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

TP. Hải Phòng

Trích SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
					
05/12/2014	PC04	05/12/2014	Thanh toán cước dịch vụ viễn thông bằng tiền mặt	642	400.328	
				133	40.033	
				111		440.361
					
31/12/2014	BPBL T12	31/12/2014	Lương phải trả cán bộ công nhân viên tháng 12/2014	641	10.900.000	
				642	19.500.000	
				334		30.400.000
31/12/2104	BPBL T12	31/12/2014	Trích các khoản theo lương	641	2.616.000	
				642	4.680.000	
				334	3.192.000	
				338		10.488.000
31/12/2014	BPB KH T12	31/12/2014	Tính và phân bổ khấu hao TSCĐ	641	8.626.894	
				642	4.270.833	
				214		12.897.727
31/12/2014	PKT 45	31/12/2014	Kết chuyển chi phí Quý 4/2014	911	5.658.139.725	
				632		5.439.894.308
				641		66.428.682
				642		97.753.483
				635		7.396.585
				811		46.666.667
					
			Cộng phát sinh Quý 4		52.664.407.830	52.664.407.830
			Cộng lũy kế từ đầu năm		202.657.631.344	202.657.631.344

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.19), kế toán phản ánh vào sổ Cái TK 641 “Chi phí bán hàng” như Biểu số 2.20.

Biểu số 2.20: Sổ cái tài khoản 641

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI CHƯƠNG

Mẫu số: S03b – DN

HƯƠNG

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC

Địa chỉ: Số 16 Quỳnh Hoàng, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, TP.

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Hải Phòng

Trích SỔ CÁI

(theo hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2014

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu: 641

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		<u> </u>	<u> </u>
					
31/12/2014	BPBL T12	31/12/2014	Lương phải trả nhân viên bộ phận bán hàng	334	10.900.000	
31/12/2014	BPBL T12	31/12/2014	Trích các khoản theo lương	338	2.616.000	
31/12/2014	BPB KH	31/12/2014	Khấu hao TSCĐ tháng 12	214	8.626.894	
31/12/2014	PKT 45	31/12/2014	Kết chuyển chi phí bán hàng Quý 4/2014	911		66.428.682
			Cộng phát sinh Quý 4		66.428.682	66.428.682
			Cộng lũy kế từ đầu năm		297.798.065	297.798.065
			Số dư cuối năm		<u> </u>	<u> </u>

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.19), kế toán phản ánh vào sổ Cái TK 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp” như biểu số 2.21.

Biểu số 2.21: Sổ cái tài khoản 642

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI CHƯƠNG

Mẫu số: S03b – DN

HƯƠNG

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC

Địa chỉ: Số 16 Quỳnh Hoàng, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, TP.

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Hải Phòng

Trích SỔ CÁI

(theo hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2014

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		<u> </u>	<u> </u>
					
05/12/2014	PC04	05/12/2014	Thanh toán cước dịch vụ viễn thông bằng tiền mặt	111	400.328	
					
31/12/2014	BPBL T12	31/12/2014	Lương phải trả cán bộ quản lý	334	19.500.000	
31/12/2014	BPBL T12	31/12/2014	Trích các khoản theo lương	338	4.680.000	
31/12/2014	BPB KH	31/12/2014	Khấu hao TSCĐ tháng 12	214	4.270.833	
31/12/2014	PKT 45	31/12/2014	Kết chuyển chi phí QLDN Quý 4/2014	911		97.753.483
			Cộng phát sinh Quý 4		97.753.483	97.753.483
			Cộng lũy kế từ đầu năm		358.413.941	358.413.941
			Số dư cuối năm		<u> </u>	<u> </u>

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương)

2.2.2. Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương

- Tài khoản sử dụng:
 - Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính
 - Tài khoản 635: Chi phí tài chính
- Chứng từ sử dụng:
 - Giấy báo có, giấy báo nợ của ngân hàng...
 - Phiếu thu, phiếu chi
 - Các chứng từ khác có liên quan.
- Sổ sách sử dụng:
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái TK 515, 635.
- Nội dung hạch toán:

Ví dụ 1: Ngày 11/12/2014, Công ty nhận được giấy báo Nợ của Ngân hàng Á Châu thông báo lãi tiền vay tháng 12/2014 là 1.112.037 đồng.

Biểu số 2.22: Giấy báo Nợ số 09

Ngân hàng Á Châu	GIẤY BÁO NỢ	Mã GDV: PHUCDTQTO
Chi nhánh: ACB-PGD Quán Toan	Ngày: 11/12/2014	Mã KH: 792343
		Số GD: 09
Kính gửi: Công ty TNHH Thương Mại Vận Tải Chương Hương		
Mã số thuế: 0201036366		
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:		
Số tài khoản ghi NỢ: 73087589		
Số tiền bằng số: 1.112.037		
Số tiền bằng chữ: <i>Một triệu một trăm mười hai ngàn không trăm ba mươi bảy đồng.</i>		
Nội dung: ##Lãi tiền vay##		
Giao dịch viên		Kiểm soát

Căn cứ vào Giấy báo Nợ số 09 của Ngân hàng (biểu số 2.22), kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung như biểu số 2.24 theo định khoản:

Nợ TK 635: 1.112.037

Có TK 112: 1.112.037

Ví dụ 2: Ngày 31/12/2014, Công ty nhận được giấy báo Có của Ngân hàng Á Châu thông báo lãi tiền gửi nhập gốc số TK 73087589 là 68.847 đồng.

Biểu số 2.23: Giấy báo Có số 23

Ngân hàng Á Châu	GIẤY BÁO CÓ	Mã GDV: DIEMDHQTO
Chi nhánh: ACB-PGD Quán Toan	Ngày: 31/12/2014	Mã KH: 792343
		Số GD: 23
Kính gửi: Công ty TNHH Thương Mại Vận Tải Chương Hương		
Mã số thuế: 0201036366		
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:		
Số tài khoản ghi CÓ: 73087589		
Số tiền bằng số: 68.847		
Số tiền bằng chữ: Sáu mươi tám ngàn tám trăm bốn mươi bảy đồng./		
Nội dung: ##Lãi tiền gửi nhập gốc##		
Giao dịch viên		Kiểm soát

Căn cứ vào Giấy báo Có số 23 của Ngân hàng (biểu số 2.23), kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung như biểu số 2.24 theo định khoản:

Nợ TK 112: 68.847

Có TK 515: 68.847

Biểu số 2.24: Sổ Nhật ký chungĐơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẠN TÀI
CHƯƠNG HƯƠNG

Mẫu số: S03a – DN

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC)

Địa chỉ: Số 16 Quỳnh Hoàng, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương,
TP. Hải Phòng

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Trích SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang	
					
11/12/ 2014	GBN 09	11/12/ 2014	Lãi tiền vay	635	1.112.037	
			112		1.112.037
					
31/12/ 2014	GBC 23	31/12/ 2014	Lãi tiền gửi nhập gốc	112	68.847	
			515		68.847
					
31/12/ 2014	PKT 44	31/12/ 2014	Kết chuyển doanh thu, thu nhập Quý 4/2014	511	5.665.185.455	
			515	783.220	
			711	30.000.000	
			911		5.695.968.675
31/12/ 2014	PKT 45	31/12/ 2014	Kết chuyển chi phí Quý 4/2014	911	5.658.139.725	
			632		5.439.894.308
			641		66.428.682
			642		97.753.483
			635		7.396.585
			811		46.666.667
					
			Cộng phát sinh Quý 4		52.664.407.830	52.664.407.830
			Cộng lũy kể từ đầu năm		202.657.631.344	202.657.631.344

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại vạn tài Chương Hương)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.24), kế toán phản ánh vào sổ Cái TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” như biểu số 2.25, sổ Cái TK 635 “Chi phí tài chính” như biểu số 2.26.

Biểu số 2.25: Sổ cái tài khoản 515

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẠN TÀI

Mẫu số: S03b – DN

CHƯƠNG HƯƠNG

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC)

Địa chỉ: Số 16 Quỳnh Hoàng, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, TP.

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Hải Phòng

Trích SỔ CÁI

(theo hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2014

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		<u> </u>	<u> </u>
					
31/12/2014	GBC 23	31/12/2014	Lãi tiền gửi nhập gốc	112		68.847
					
31/12/2014	PKT 44	31/12/2014	Kết chuyển doanh thu HĐTC Quý 4/2014	911	783.220	
			Cộng phát sinh Quý 4		783.220	783.220
			Cộng lũy kế từ đầu năm		1.059.801	1.059.801
			Số dư cuối năm		<u> </u>	<u> </u>

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại vạn tài Chương Hương)

Biểu số 2.26: Sổ cái tài khoản 635

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI

Mẫu số: S03b – DN

CHƯƠNG HƯƠNG

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC)

Địa chỉ: Số 16 Quỳnh Hoàng, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, TP.

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Hải Phòng

Trích SỔ CÁI

(theo hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2014

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu: 635

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		<u> </u>	<u> </u>
					
11/12/2014	GBN 09	11/12/2014	Lãi tiền vay	112	1.112.037	
					
31/12/2014	PKT 45	31/12/2014	Kết chuyển chi phí tài chính Quý 4/2014	911		7.396.585
			Cộng phát sinh Quý 4		7.396.585	7.396.585
			Cộng lũy kể từ đầu năm		27.170.612	27.170.612
			Số dư cuối năm		<u> </u>	<u> </u>

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương)

2.2.3. Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động khác tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương

- Tài khoản sử dụng:
 - Tài khoản 711: Thu nhập khác
 - Tài khoản 811: Chi phí khác
- Chứng từ sử dụng:
 - Phiếu thu, phiếu chi
 - Biên bản thanh lý TSCĐ
 - Các chứng từ khác có liên quan.
- Sổ sách sử dụng:
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái TK 711, 811.

- Nội dung hạch toán:

Ví dụ 1: Ngày 01/12/2014, công ty tiến hành thanh lý xe ô tô biển kiểm soát 15C-04490 nguyên giá 210.000.000 đồng đưa vào sử dụng từ ngày 01/04/2010, đã khấu hao 163.333.333 đồng, giá trị còn lại là 46.666.667 đồng. Số tiền thu từ thanh lý TSCĐ là 33.000.000 đồng (thuế GTGT 10%).

Biểu số 2.27: Biên bản thanh lý TSCĐ

Công ty TNHH Thương Mại Vận Tải Chương Hương

Số 16 Quỳnh Hoàng, xã Nam Sơn, Huyện An Dương,
TP.Hải Phòng

Mẫu số: 02 – TSCĐ

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Ngày 01 tháng 12 năm 2014

Căn cứ quyết định số: 12/2014 ngày 01 tháng 12 năm 2014 của Công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương về việc thanh lý TSCĐ.

I/ Ban thanh lý TSCĐ gồm:

Ông: Lê Hùng Chương	Chức vụ: Giám đốc	Trưởng ban
Ông: Lê Văn Thuận	Chức vụ: Kế toán trưởng	Ủy viên
Ông: Vũ Đức Dũng	Chức vụ: Nhân viên	Ủy viên

II/ Tiến hành thanh lý TSCĐ:

Tên, ký mã hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ: Xe tải Hyundai Mighty II 3,5 tấn.

Biển kiểm soát: 15C-04490

Màu sơn: Trắng

Nước sản xuất: Hàn Quốc

Năm sản xuất: 2001

Năm đưa vào sử dụng: 2010

Nguyên giá TSCĐ: 210.000.000 đồng

Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm này là: 163.333.333 đồng

Giá trị còn lại là: 46.666.667 đồng.

III/ Kết luận của ban thanh lý TSCĐ

Ban thanh lý công ty cùng nhau kiểm tra và quyết định thanh lý xe ô tô tải mang BKS: 15C-04490.

IV/ Kết quả thanh lý TSCĐ

- Chi phí thanh lý TSCĐ:
- Giá trị thu hồi bằng tiền mặt: 33.000.000 đồng.
- Đã ghi giảm sổ TSCĐ ngày 30/11/2014.

Ngày 01 tháng 12 năm 2014

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.28: Hóa đơn GTGT số 0000315

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: AA/13P		
Ngày 01 tháng 12 năm 2014			Số: 0000315		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI CHƯƠNG HƯƠNG					
Mã số thuế: 0201036366					
Địa chỉ: Số 16 Quỳnh Hoàng, xã Nam Sơn, huyện An Dương, Hải Phòng					
Điện thoại: 031.3871836					
Số tài khoản: 73087589 tại ngân hàng Á Châu-PGD Quán Toan-Hồng Bàng-Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng:.....					
Tên đơn vị: Nguyễn Ninh Giang.....					
Mã số thuế: <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
Địa chỉ: Lương Quán – Nam Sơn – An Dương – Hải Phòng.....					
Hình thức thanh toán: TM/CK..... Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Thanh lý xe tải 15C-04490	Cái	01	30.000.000	30.000.000
Cộng tiền hàng					30.000.000
Thuế GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT			3.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán					33.000.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Ba mươi ba triệu đồng.</i>					
Người mua hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)</i>					

- Căn cứ vào Biên bản thanh lý TSCĐ (Biểu số 2.27) kế toán tiến hành lập phiếu kế toán số 41 (Biểu số 2.29) để ghi nhận bút toán xóa sổ TSCĐ.

Biểu số 2.29 : Phiếu kế toán số 41

Công ty TNHH Thương Mại Vận Tải Chương Hương Số 16 Quỳnh Hoàng, xã Nam Sơn, Huyện An Dương, TP.Hải Phòng				Số: 41
PHIẾU KẾ TOÁN				
<i>Ngày 01 tháng 12 năm 2014</i>				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Xóa sổ TSCĐ (Xe tải 15C-04490)	811	211	46.666.667
		214	211	163.333.333
	Cộng			210.000.000
Kèm theo chứng từ gốc Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>			<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i> Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i>	

- Dựa vào phiếu kế toán số 41, kế toán ghi nhận bút toán xóa sổ TSCĐ vào sổ Nhật ký chung như biểu số 2.30.

- Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000315 (Biểu số 2.28), kế toán ghi nhận bút toán thu nhập từ thanh lý TSCĐ vào sổ Nhật ký chung như biểu số 2.30 theo định khoản:

Nợ TK 131: 33.000.000

Có TK 711: 30.000.000

Có TK 3331: 3.000.000

Biểu số 2.30: Sổ Nhật ký chung

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI
CHƯƠNG HƯƠNG

Mẫu số: S03a – DN

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC

Địa chỉ: Số 16 Quỳnh Hoàng, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương,
TP. Hải Phòng

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Trích SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang	
					
01/12/ 2014	PKT 41	01/12/ 2014	Xóa sổ TSCĐ (Xe tải 15C-04490)	811	46.666.667	
				214	163.333.333	
				211		210.000.000
01/12/ 2014	HD 0000 315	01/12/ 2014	Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	131	33.000.000	
				711		30.000.000
				3331		3.000.000
					
31/12/ 2014	PKT 44	31/12/ 2014	Kết chuyển doanh thu, thu nhập Quý 4/2014	511	5.665.185.455	
				515	783.220	
				711	30.000.000	
				911		5.695.968.675
31/12/ 2014	PKT 45	31/12/ 2014	Kết chuyển chi phí Quý 4/2014	911	5.658.139.725	
				632		5.439.894.308
				641		66.428.682
				642		97.753.483
				635		7.396.585
			811		46.666.667	
					
			Cộng phát sinh Quý 4		52.664.407.830	52.664.407.830
			Cộng lũy kế từ đầu năm		202.657.631.344	202.657.631.344

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.30), kế toán phản ánh vào sổ Cái TK 711 “Thu nhập khác” như biểu số 2.31 và sổ Cái TK 811 “Chi phí khác” như biểu số 2.32.

Biểu số 2.31: Sổ cái tài khoản 711

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẠN TÀI

Mẫu số: S03b – DN

CHƯƠNG HƯƠNG

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC

Địa chỉ: Số 16 Quỳnh Hoàng, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, TP.

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Hải Phòng

Trích SỔ CÁI

(theo hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2014

Tên tài khoản: Thu nhập khác

Số hiệu: 711

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		<u> </u>	<u> </u>
					
01/12/ 2014	HĐ 0000 315	01/12/ 2014	Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	131		30.000.000
					
31/12/ 2014	PKT 44	31/12/ 2014	Kết chuyển thu nhập khác Quý 4/2014	911	30.000.000	
			Cộng phát sinh Quý 4		30.000.000	30.000.000
			Cộng lũy kế từ đầu năm		30.000.000	30.000.000
			Số dư cuối năm		<u> </u>	<u> </u>

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại vạn tài Chương Hương)

Biểu số 2.32: Sổ cái tài khoản 811

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẠN TÀI

Mẫu số: S03b – DN

CHƯƠNG HƯƠNG

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC)

Địa chỉ: Số 16 Quỳnh Hoàng, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, TP.

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Hải Phòng

Trích SỔ CÁI

(theo hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2014

Tên tài khoản: Chi phí khác

Số hiệu: 811

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		<u> </u>	<u> </u>
					
01/12/ 2014	PKT 41	01/12/ 2014	Xóa sổ TSCĐ (Xe tải 15C-0490)	211	46.666.667	
					
31/12/ 2014	PKT 45	31/12/ 2014	Kết chuyển chi phí khác Quý 4/2014	911		46.666.667
			Cộng phát sinh Quý 4		46.666.667	46.666.667
			Cộng lũy kế từ đầu năm		46.666.667	46.666.667
			Số dư cuối năm		<u> </u>	<u> </u>

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại vạn tài Chương Hương)

2.2.4. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại vạn tài Chương Hương.

- Tài khoản sử dụng:
 - Tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh
 - Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
 - Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính
 - Tài khoản 711: Thu nhập khác
 - Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán
 - Tài khoản 641: Chi phí bán hàng

- Tài khoản 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Tài khoản 635: Chi phí tài chính
- Tài khoản 811: Chi phí khác
- Tài khoản 821: Chi phí thuế TNDN
- Tài khoản 421: Lợi nhuận chưa phân phối.
- Chứng từ sử dụng:
 - Phiếu kế toán
 - Các chứng từ khác có liên quan.
- Sổ sách sử dụng:
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái TK 911, 511, 515, 711, 632, 641, 642, 635, 811, 821, 421.
- Nội dung hạch toán:

Ví dụ 1:

- Cuối quý 4/2014, căn cứ vào số liệu trên dòng cộng của sổ cái TK 511, 515, 711, kế toán tiến hành lập phiếu kế toán số 44 phản ánh việc kết chuyển doanh thu, thu nhập như biểu số 2.33.

Biểu số 2.33: Phiếu kế toán số 44

Công ty TNHH Thương Mại Vận Tải Chương Hương Số 16 Quỳnh Hoàng, xã Nam Sơn, Huyện An Dương, TP.Hải Phòng				Số: 44
PHIẾU KẾ TOÁN <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	5.665.185.455
2	Kết chuyển doanh thu HĐTC	515	911	783.220
3	Kết chuyển thu nhập khác	711	911	30.000.000
	Cộng			5.695.968.675
Kèm theo chứng từ gốc Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>			<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i> Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i>	

- Cuối quý 4/2014, căn cứ vào số liệu trên dòng cộng của sổ cái TK 632, 641, 642, 635, 811, kế toán tiến hành lập phiếu kế toán số 45 phản ánh việc kết chuyển chi phí kinh doanh như biểu số 2.34.

Biểu số 2.34: Phiếu kế toán số 45

Công ty TNHH Thương Mại Vận Tải Chương Hương				Số: 45
Số 16 Quỳnh Hoàng, xã Nam Sơn, Huyện An Dương, TP.Hải Phòng				
PHIẾU KẾ TOÁN				
<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	5.439.894.308
2	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	66.428.682
3	Kết chuyển chi phí QLDN	911	642	97.753.483
4	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	7.396.585
5	Kết chuyển chi phí khác	911	811	46.666.667
	Cộng			5.658.139.725
Kèm theo chứng từ gốc		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>		
Kế toán trưởng		Người lập phiếu		
<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên)</i>		

- Căn cứ vào phiếu kế toán số 44 và phiếu kế toán số 45, kế toán ghi nhận bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí vào sổ nhật ký chung như biểu số 2.35.

- Căn cứ vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.35) kế toán ghi vào sổ cái các TK 511, 515, 711, 632, 641, 642, 635, 811 lần lượt như các biểu số 2.8; 2.25; 2.31; 2.14; 2.20; 2.21; 2.26; 2.32 và sổ cái TK 911 như biểu số 2.36.

Biểu số 2.35: Sổ Nhật ký chung

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẠN TÀI

Mẫu số: S03a – DN

CHƯƠNG HƯƠNG

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC

Địa chỉ: Số 16 Quỳnh Hoàng, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, TP.

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Hải Phòng

Trích SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
					
31/12/2014	PKT 44	31/12/2014	Kết chuyển doanh thu, thu nhập Quý 4/2014	511	5.665.185.455	
				515	783.220	
				711	30.000.000	
				911		5.695.968.675
31/12/2014	PKT 45	31/12/2014	Kết chuyển chi phí Quý 4/2014	911	5.658.139.725	
				632		5.439.894.308
				641		66.428.682
				642		97.753.483
				635		7.396.585
				811		46.666.667
31/12/2014	PKT 46	31/12/2014	Xác định chi phí thuế TNDN Quý 4/2014	821	7.565.790	
				3334		7.565.790
31/12/2014	PKT 47	31/12/2014	Kết chuyển chi phí thuế TNDN Quý 4/2014	911	7.565.790	
				821		7.565.790
31/12/2014	PKT 48	31/12/2014	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế Quý 4/2014	911	30.263.160	
				421		30.263.160
					
			Cộng phát sinh Quý 4		52.664.407.830	52.664.407.830
			Cộng lũy kế từ đầu năm		202.657.631.344	202.657.631.344

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại vạn tài Chương Hương)

Biểu số 2.36: Sổ cái tài khoản 911

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẠN TÀI

Mẫu số: S03b- DN

CHƯƠNG HƯƠNG

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC

Địa chỉ: Số 16 Quỳnh Hoàng, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương,

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

TP. Hải Phòng

Trích SỔ CÁI

(theo hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2014

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		<u> </u>	<u> </u>
					
31/12/2014	PKT 44	31/12/2014	Kết chuyển doanh thu, thu nhập Quý 4/2014	511		5.665.185.455
				515		783.220
				711		30.000.000
31/12/2014	PKT 45	31/12/2104	Kết chuyển chi phí Quý 4/2014	632	5.439.894.308	
				641	66.428.682	
				642	97.753.483	
				635	7.396.585	
				811	46.666.667	
31/12/2014	PKT 47	31/12/2014	Kết chuyển chi phí thuế TNDN Quý 4/2014	821	7.565.790	
31/12/2014	PKT 48	31/12/2014	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế Quý 4/2014	421	30.263.160	
					
			Cộng phát sinh Quý 4		5.695.968.675	5.695.968.675
			Cộng lũy kế từ đầu năm		20.291.801.630	20.291.801.630
			Số dư cuối năm		<u> </u>	<u> </u>

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại vạn tài Chương Hương)

- Căn cứ vào sổ cái TK 911 (Biểu số 2.36), kế toán xác định số lợi nhuận trước thuế TNDN, từ đó lập phiếu kế toán số 46 phản ánh số thuế TNDN tạm phải nộp quý 4 như biểu số 2.37.

Biểu số 2.37: Phiếu kế toán số 46

Công ty TNHH Thương Mại Vận Tải Chương Hương Số 16 Quỳnh Hoàng, xã Nam Sơn, Huyện An Dương, TP.Hải Phòng				Số: 46
PHIẾU KẾ TOÁN <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Xác định chi phí thuế TNDN	821	3334	7.565.790
	Cộng			7.565.790
Kèm theo chứng từ gốc Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i> Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i>		

- Căn cứ vào phiếu kế toán số 46, kế toán ghi nhận bút toán xác định số thuế TNDN tạm nộp quý 4 vào sổ nhật ký chung như biểu số 2.35.

- Căn cứ vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.35) kế toán ghi vào sổ cái TK 821 như biểu số 2.38.

Biểu số 2.38: Sổ cái tài khoản 821

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẠN TÀI

Mẫu số: S03b- DN

CHƯƠNG HƯƠNG

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC)

Địa chỉ: Số 16 Quỳnh Hoàng, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương,

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

TP. Hải Phòng

Trích SỔ CÁI

(theo hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2014

Tên tài khoản: Chi phí thuế TNDN

Số hiệu: 821

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		<u> </u>	<u> </u>
					
31/12/2014	PKT 46	31/12/2104	Xác định chi phí thuế TNDN Quý 4/2014	3334	7.565.790	
31/12/2104	PKT 47	31/12/2014	Kết chuyển chi phí thuế TNDN Quý 4/2014	911		7.565.790
			Cộng phát sinh Quý 4		7.565.790	7.565.790
			Cộng lũy kể từ đầu năm		36.557.345	36.557.345
			Số dư cuối năm		<u> </u>	<u> </u>

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại vạn tài Chương Hương)

- Căn cứ vào sổ cái TK 821 (Biểu số 2.38) kế toán xác định số chi phí thuế TNDN cần kết chuyển, từ đó lập phiếu kế toán số 47 phản ánh việc kết chuyển chi phí thuế TNDN quý 4 như biểu số 2.39.

Biểu số 2.39: Phiếu kế toán số 47

Công ty TNHH Thương Mại Vận Tải Chương Hương Số 16 Quỳnh Hoàng, xã Nam Sơn, Huyện An Dương, TP.Hải Phòng				Số: 47
PHIẾU KẾ TOÁN <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	7.565.790
Cộng				7.565.790
Kèm theo chứng từ gốc Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i> Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i>		

- Căn cứ vào phiếu kế toán số 47, kế toán ghi nhận bút toán kết chuyển chi phí thuế TNDN vào sổ nhật ký chung như biểu số 2.35.
- Căn cứ vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.35) kế toán ghi vào sổ cái TK 821, TK 911 lần lượt như các biểu số 2.38; 2.36.
- Căn cứ vào sổ cái TK 911 (Biểu số 2.36) kế toán xác định số lợi nhuận sau thuế TNDN, từ đó lập phiếu kế toán số 48 phản ánh số lợi nhuận sau thuế quý 4 như biểu số 2.40.

Biểu số 2.40: Phiếu kế toán số 48

Công ty TNHH Thương Mại Vận Tải Chương Hương Số 16 Quỳnh Hoàng, xã Nam Sơn, Huyện An Dương, TP.Hải Phòng				Số: 48
PHIẾU KẾ TOÁN <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế TNDN	911	421	30.263.160
Cộng				30.263.160
Kèm theo chứng từ gốc Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i> Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i>		

- Căn cứ vào phiếu kê toán số 48, kê toán ghi nhận bút toán phản ánh số lợi nhuận sau thuế TNDN quý 4 vào sổ nhật ký chung như biểu số 2.35.
- Căn cứ vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.35) kê toán ghi vào sổ cái TK 911, TK 421 lần lượt như các biểu số 2.36; 2.41.

Biểu số 2.41: Sổ cái tài khoản 421

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI

Mẫu số: S03b- DN

CHƯƠNG HƯƠNG

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC

Địa chỉ: Số 16 Quỳnh Hoàng, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, TP.

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Hải Phòng

Trích SỔ CÁI

(theo hình thức kê toán Nhật ký chung)

Năm 2014

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			<u>381.245.509</u>
					
31/12/2014	PKT 48	31/12/2014	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế TNDN Quý 4/2014	911		30.263.160
			Cộng phát sinh Quý 4			30.263.160
			Cộng lũy kể từ đầu năm		50.115.417	146.229.380
			Số dư cuối năm			<u>477.359.472</u>

(Nguồn dữ liệu: bộ phận kế toán công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương)

- Căn cứ vào sổ cái các TK 511 (biểu số 2.8), TK 632 (biểu số 2.14), TK 641 (biểu số 2.20), TK 642 (biểu số 2.21), TK 515 (biểu số 2.25), TK 635 (biểu số 2.26), TK 711 (biểu số 2.31), TK 811 (biểu số 2.32), TK 911 (biểu số 2.36), TK 821 (biểu số 2.38), TK 421 (biểu số 2.41); kê toán ghi vào Bảng cân đối số phát sinh như biểu số 2.42.

Biểu số 2.42: Bảng cân đối số phát sinh

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI CHƯƠNG HƯƠNG

Địa chỉ: Số 16 Quỳnh Hoàng, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, TP. Hải Phòng

Mẫu số: S06- DN

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Trích BẢNG CÂN ĐỐI SỐ PHÁT SINH

Năm 2014

Số hiệu tài khoản	Tên tài khoản kế toán	Số dư đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số dư cuối năm	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
						
421	Lợi nhuận chưa phân phối		381.245.509	50.115.417	146.229.380		477.359.472
						
511	Doanh thu bán hàng và CCDV			20.260.741.829	20.260.741.829		
515	Doanh thu HĐTC			1.059.801	1.059.801		
						
632	Giá vốn hàng bán			19.378.965.620	19.378.965.620		
635	Chi phí tài chính			27.170.612	27.170.612		
641	Chi phí bán hàng			297.798.065	297.798.065		
642	Chi phí QLDN			358.413.941	358.413.941		
711	Thu nhập khác			30.000.000	30.000.000		
811	Chi phí khác			46.666.667	46.666.667		
821	Chi phí thuế TNDN			36.557.345	36.557.345		
911	Xác định kết quả kinh doanh			20.291.801.630	20.291.801.630		
	Tổng cộng	3.430.123.626	3.430.123.626	202.657.631.344	202.657.631.344	4.394.281.351	4.394.281.351

- Căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh như biểu số 2.42, kế toán lập Báo cáo kết quả kinh doanh như biểu số 2.43.

Biểu số 2.43: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI CHƯƠNG HƯƠNG

Mẫu số: B02- DN

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC)

Địa chỉ: Số 16 Quỳnh Hoàng, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, TP.

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Hải Phòng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	20.260.741.829	15.359.668.845
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		20.260.741.829	15.359.668.845
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	19.378.965.620	14.642.588.370
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		881.776.209	717.080.475
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	1.059.801	2.758.211
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	27.170.612	34.930.432
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		27.170.612	34.930.432
8. Chi phí bán hàng	24		297.798.065	228.628.705
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		358.413.941	300.543.280
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh { 30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25) }	30		199.453.392	155.736.269
11. Thu nhập khác	31		30.000.000	27.272.727
12. Chi phí khác	32		46.666.667	45.907.904
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(16.666.667)	(18.635.177)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		182.786.725	137.101.092
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	36.557.345	29.422.254
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		146.229.380	107.678.838
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

CHƯƠNG 3
MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI CHƯƠNG HƯƠNG
3.1. Đánh giá về thực trạng tổ chức kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương.

Trong những năm vừa qua, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương luôn được chú trọng, tuy nhiên vẫn còn tồn tại những ưu và nhược điểm. Việc tìm ra các ưu điểm và nhược điểm là một điều cần thiết để kế toán có thể phát huy được những điểm mạnh, cũng như khắc phục được những điểm yếu để công tác kế toán tại công ty ngày càng hoàn thiện và hiệu quả hơn.

3.1.1. Ưu điểm

- *Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý:*
 - Công ty đã tổ chức bộ máy gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời nhanh chóng.
- *Về tổ chức bộ máy kế toán:*
 - Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung phù hợp với yêu cầu quản lý của công ty.
 - Bộ máy kế toán hợp lý, khoa học, phân công nhiệm vụ rõ ràng; mỗi nhân viên kế toán phụ trách và tự chịu trách nhiệm về phần hành kế toán được giao nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện, tập trung và thống nhất của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có quyền hạn kiểm tra, giám sát toàn bộ công tác kế toán của công ty. Đội ngũ kế toán trong công ty là những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm lâu năm, nên phản ánh nhanh chóng, kịp thời, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chế độ kế toán, đảm bảo cung cấp thông tin kế toán hiệu quả, phục vụ tốt công tác quản lý.
- *Về việc tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính:*
 - Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời.
 - Về hệ thống tài khoản kế toán: Hệ thống tài khoản kế toán do Bộ tài chính ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ – BTC được công ty áp dụng đầy đủ, việc mở các tài khoản chi tiết cũng rất hợp lý và khoa học.

- Về hình thức sổ kế toán: Công ty áp dụng hình thức sổ “Nhật ký chung”. Hình thức kế toán này có ưu điểm đơn giản, dễ áp dụng, các nghiệp vụ kế toán phát sinh được phản ánh rõ ràng trên sổ Nhật ký chung, các sổ cái và sổ chi tiết theo trình tự thời gian và định khoản. Việc áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung là hoàn toàn phù hợp với trình độ đội ngũ cán bộ kế toán, tình hình trang bị phương tiện kỹ thuật trong công tác tính toán, xử lý thông tin, phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh cũng như yêu cầu quản lý của lãnh đạo công ty.

- Về báo cáo tài chính: Các báo cáo tài chính được lập theo đúng mẫu biểu quy định và đảm bảo tính chính xác, kịp thời cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý kinh tế tài chính của công ty.

▪ *Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty:*

Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty được áp dụng đúng theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán liên quan như chuẩn mực kế toán số 14 về doanh thu và thu nhập khác, chuẩn mực số 17 về thuế thu nhập doanh nghiệp.... Công ty cũng thường xuyên cập nhật kịp thời những thay đổi của chế độ kế toán, giúp cho Công ty tiến hành công tác kế toán một cách chính xác, phù hợp.

Về tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đầy đủ, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.

Về tổ chức kế toán chi phí: Các chi phí phát sinh được công ty ghi chép một cách đầy đủ, chính xác; giúp công ty quản lý chặt chẽ được các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ phát sinh; từ đó đưa ra những biện pháp điều chỉnh chi phí một cách hợp lý, giảm chi phí để tăng lợi nhuận của công ty.

Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của ban lãnh đạo công ty về việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác về tình hình kinh doanh của công ty.

3.1.2. Hạn chế.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương vẫn còn tồn tại những hạn chế sau:

▪ *Chưa thực hiện hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.*

Công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại với ngành nghề kinh doanh chủ yếu là kinh doanh

các mặt hàng đèn trang trí với số lượng, chủng loại phong phú, đa dạng. Vì vậy, công ty nên tiến hành hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh cho từng mặt hàng để từ đó giúp các nhà quản lý doanh nghiệp đưa ra được những chiến lược kinh doanh phù hợp để có thể tối đa hóa lợi nhuận cho doanh nghiệp.

▪ *Chưa áp dụng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh*

Hiện nay công ty chưa áp dụng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh. Đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu. Thực tế cho thấy rằng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh cũng là một trong những biện pháp kích thích được nhu cầu khách hàng, thu hút nhiều khách hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy tăng doanh số tiêu thụ và rút ngắn vòng quay của vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Điều này trong nền kinh tế thị trường như hiện nay là rất cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp.

▪ *Chưa áp dụng phần mềm kế toán trong tổ chức công tác kế toán.*

Hiện nay, công tác kế toán tại công ty chủ yếu được tiến hành thủ công và chỉ được thực hiện trên phần mềm Word, Excel. Trong khi đó hoạt động kinh doanh của công ty ngày càng mở rộng, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ngày càng nhiều, kế toán phải đảm nhiệm một khối lượng lớn công việc. Ngày nay khoa học công nghệ phát triển nhanh chóng và được áp dụng cho hầu hết mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy việc sử dụng phần mềm máy tính để hỗ trợ công tác quản lý, tổ chức kế toán là điều vô cùng cần thiết.

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương.

Ngày nay, nền kinh tế thị trường mở ra cho doanh nghiệp rất nhiều cơ hội nhưng không kém phần thách thức, nhất là vào thời kỳ kinh tế hiện nay. Nếu doanh nghiệp nào biết khắc phục những hạn chế, khó khăn thì sẽ tạo đà cho doanh nghiệp vững bước tiến lên. Để hòa nhập với nền kinh tế thế giới, trong những năm gần đây, nước ta đã không ngừng hoàn thiện chế độ, chuẩn mực kế toán nhằm giảm bớt sự khác biệt giữa kế toán Việt Nam và kế toán thế giới, tạo ra các cơ hội cho các doanh nghiệp hội nhập và phát triển.

Hiện nay, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương chưa được hoàn thiện gây khó khăn cho công tác quản lý do thông tin về doanh thu, chi phí chưa được đầy đủ, chi tiết, chính xác. Vì vậy, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được hoàn thiện sẽ giúp cung cấp số liệu doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh chính xác, có độ tin cậy cao, đúng với chế độ chính sách hiện hành.

Từ đó, giúp kế toán lập các báo cáo tài chính nói chung và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng một cách trung thực, hợp lý đồng thời giúp nhà quản trị nhận định được tình hình sản xuất kinh doanh của công ty tốt hay xấu, có đạt được kết quả mong muốn hay không, tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước như thế nào để từ đó có thể đưa ra các biện pháp nhằm thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm, tiết kiệm chi phí hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận.

3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương.

Trong giai đoạn mở cửa hội nhập kinh tế với các nước trong khu vực và trên thế giới, trong sự cạnh tranh như vũ bão của các doanh nghiệp trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay, muốn tồn tại và phát triển thì mỗi doanh nghiệp phải có những định hướng riêng, mang tính độc đáo thì mới có thể phát triển được. Trước tiên, công ty phải không ngừng hoàn thiện và đổi mới công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý và đặc điểm kinh doanh của mình, có như thế thì kế toán mới trở thành một công cụ quản lý kinh tế tài chính của doanh nghiệp. Muốn vậy, hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng là một vấn đề hết sức quan trọng hiện nay.

Việc hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cần dựa trên những yêu cầu sau:

- Đảm bảo sự phù hợp giữa tổ chức kinh doanh và tổ chức quản lý của doanh nghiệp với chế độ kế toán chung.
- Đảm bảo sự thống nhất giữa chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành với chế độ kế toán đặc thù ngành sản xuất kinh doanh.
- Đảm bảo sự tiết kiệm hiệu quả trong việc tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp.
- Đảm bảo thực hiện tốt chức năng thông tin cho nhà quản trị vì mục tiêu của việc hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời chính xác để nhà quản trị ra quyết định đúng đắn.

Bên cạnh đó công ty cần tiếp tục phát huy những ưu điểm hiện có và tìm ra các biện pháp khắc phục những hạn chế còn tồn tại nhằm đảm bảo hạch toán theo đúng chế độ nhà nước quy định cũng như đáp ứng được những yêu cầu về quản lý hạch toán tại doanh nghiệp.

3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương.

Căn cứ vào những nghiên cứu thực tiễn về tình hình hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương và trên cơ sở, yêu cầu, nguyên tắc hoàn thiện tổ chức kế toán em xin đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty như sau:

3.4.1. Kiến nghị 1: Về việc hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh.

Để phục vụ cho công tác hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh công ty nên:

- Mở sổ chi tiết bán hàng cho từng mặt hàng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp từng mặt hàng giúp cho các nhà quản trị thấy được tình hình tiêu thụ của từng sản phẩm. Từ đó sẽ giúp các nhà quản lý doanh nghiệp quyết định xem nên mở rộng kinh doanh mặt hàng nào, thu hẹp hay ngừng kinh doanh mặt hàng nào.

Biểu số 3.1: Mẫu Sổ chi tiết bán hàng.

Đơn vị :

Mẫu số S35-DN

Địa chỉ :

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hoá ,dịch vụ,bất đầu sản đầu tư):.....

Năm.....

Quyển số :.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (5211, 5212,5213)
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Cộng số phát sinh						
			- Doanh thu thuần						
			- Giá vốn hàng bán						
			- Lãi gộp						

- Sổ này cótrang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Ngày ... tháng ... năm

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Căn cứ vào các hóa đơn GTGT số 0000317 (Biểu số 2.2), hóa đơn GTGT số 0000318 (Biểu số 2.3)..., kế toán ghi vào sổ chi tiết bán hàng mở cho mặt hàng đèn ngủ gắn tường như biểu số 3.2.

Biểu số 3.2 Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương

Mẫu số S35-DN

Địa chỉ: Số 16 Quỳnh Hoàng, xã Nam Sơn, huyện An Dương, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tài khoản: 511

Tên hàng hóa: Đèn ngủ gắn tường

Mã hàng: ĐNGT

Tháng 12 năm 2014

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (5211, 5212, 5213)
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
04/12/2014	HĐ 0000317	04/12/2014	Bán đèn ngủ gắn tường	131	4150	12.500	51.875.000		
04/12/2014	HĐ 0000318	04/12/2014	Bán đèn ngủ gắn tường	112	8400	12.500	105.000.000		
								
			Cộng số phát sinh				925.387.500		
			Doanh thu thuần				925.387.500		
			Giá vốn hàng bán				826.556.115		
			Lãi gộp				98.831.385		

- Mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK 632 như biểu số 3.3 sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi giá vốn tương ứng của từng mặt hàng đã được mở ở sổ chi tiết bán hàng, làm căn cứ cho việc xác định lợi nhuận gộp của từng mặt hàng. Sau đây em xin trình bày mẫu sổ chi phí sản xuất kinh doanh như sau:

Biểu số 3.3: Mẫu sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị :

Mẫu số S36-DN

Địa chỉ :

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các TK: 621, 622, 623, 627, 154, 631, 641, 642, 142, 242, 335, 632)

- Tài khoản:
- Tên phân xưởng:
- Tên sản phẩm, dịch vụ:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ tài khoản..				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra			
					
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh trong kỳ						
								
			Cộng số phát sinh trong kỳ						
			Ghi Có TK						
			Số dư cuối kỳ						

- Sổ này cótrang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Ngày ... tháng ... năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

- Căn cứ vào các phiếu xuất kho số 1/12 (Biểu số 2.9), phiếu xuất kho số 2/12 (Biểu số 2.11)..., kế toán ghi vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK 632 mở cho mặt hàng đèn ngủ gắn tường như biểu số 3.4

Biểu số 3.4: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại vận tải

Mẫu số S36-DN

Chương Hương.

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

Địa chỉ: Số 16 Quỳnh Hoàng, xã Nam Sơn, huyện An Dương, Hải Phòng.

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

- Tài khoản: 632

- Tên sản phẩm, dịch vụ: Đèn ngủ gắn tường.

Tháng 12 năm 2014

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ tài khoản 632				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra			
					
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh trong kỳ						
04/12/2014	PX1/12	04/12/2014	Xuất bán đèn ngủ gắn tường	156	46.280.800				
04/12/2014	PX2/12	04/12/2014	Xuất bán đèn ngủ gắn tường	156	93.676.800				
								
			Cộng số phát sinh trong kỳ.		826.556.115				
			Ghi có TK 632	911	826.556.115				
			Số dư cuối kỳ						

- Căn cứ vào sổ chi tiết bán hàng và sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK 632 mở chi tiết cho từng mặt hàng ta xác định được lãi gộp của từng mặt hàng.

Ví dụ: Dựa vào sổ chi tiết bán hàng (biểu số 3.2), sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK 632 (biểu số 3.4) mở chi tiết cho mặt hàng đèn ngủ gắn tường, ta tính được lãi gộp của mặt hàng này như sau: $925.387.500 - 826.556.115 = 98.831.385$ đồng.

- Sau đó kế toán nên tiến hành phân bổ chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng mặt hàng theo chỉ tiêu doanh thu thuần để xác định kết quả kinh doanh cuối cùng cụ thể cho từng mặt hàng.
- Cách thức phân bổ chi phí bán hàng, chi phí QLDN theo doanh thu thuần:

- *Tiêu thức phân bổ: Theo doanh thu thuần*
- *Công thức phân bổ:*

$$\text{Chi phí bán hàng, chi phí QLDN phân bổ cho mặt hàng A} = \frac{\text{Tổng chi phí bán hàng, chi phí QLDN thực tế phát sinh}}{\text{Tổng doanh thu thuần của tất cả các mặt hàng}} \times \text{Doanh thu thuần của mặt hàng A}$$

Biểu số 3.5: Bảng phân bổ chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương.

Địa chỉ: Số 16 Quỳnh Hoàng, xã Nam Sơn, huyện An Dương, Hải Phòng.

BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ BÁN HÀNG, CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Quý 4/2014

STT	Tên hàng	Doanh thu thuần				Chi phí bán hàng Quý 4 phân bổ cho từng mặt hàng	Chi phí QLDN Quý 4 phân bổ cho từng mặt hàng
		Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng Quý 4		
1	Đèn ngủ gắn tường	524.237.500	632.862.500	925.387.500	2.082.487.500	24.418.777	35.933.582
2	Đèn treo dây thả (5-6) bóng	59.360.000	82.560.000	125.280.000	267.200.000	3.133.127	4.610.569
3	Đèn ốp trần (41-80) cm	352.260.000	417.753.000	380.646.000	1.150.659.000	13.492.367	19.854.765
						
	Cộng	1.511.614.705	1.835.175.500	2.318.395.250	5.665.185.455	66.428.682	97.753.483

Từ bảng phân bổ chi phí bán hàng, chi phí QLDN quý 4 mở cho từng mặt hàng như biểu số 3.5, kế toán xác định được kết quả kinh doanh của mặt hàng đèn ngủ gắn tường là: $2.082.487.500 - 1.857.912.048 - 24.418.777 - 35.933.582 = 164.223.093$ đồng.

3.4.2. Kiến nghị 2: Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán

Mỗi khách hàng đều mong muốn được lợi, việc áp dụng chính sách chiết khấu trong thanh toán góp phần đẩy nhanh việc thanh toán từ phía người mua. Chính sách chiết khấu càng hấp dẫn thì khách hàng càng thanh toán nhanh, doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh, tránh được trường hợp phải đi vay vốn để đầu tư, như vậy có thể tiết kiệm được chi phí vốn vay, nghĩa là doanh nghiệp có điều kiện gia tăng lợi nhuận.

Việc quy định chiết khấu thanh toán được tính dựa trên lãi suất ngân hàng và thời hạn thanh toán mà doanh nghiệp đã thỏa thuận cùng khách hàng.

- *Nội dung chính sách chiết khấu thanh toán:*

Lãi suất ngân hàng ACB cho tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng đối với doanh nghiệp là 5.9%/năm (thời điểm 18/05/2015). Thời hạn thanh toán tối đa là 40 ngày sau khi bên mua đã nhận được hàng hóa. Kể từ thời điểm chuyển giao quyền sở hữu về hàng hóa, khách hàng sẽ được hưởng chiết khấu thanh toán khi thanh toán trong thời gian quy định và được hưởng mức chiết khấu như sau:

+ Nếu khách hàng thanh toán sớm trong khoảng thời gian 10 ngày đầu tiên, mức hưởng chiết khấu bằng đúng lãi suất ngân hàng là 5.9%/năm.

+ Nếu khách hàng thanh toán trong khoảng thời gian 10 ngày tiếp theo, mức chiết khấu sẽ là 5%/năm.

+ Khách hàng thanh toán trong khoảng thời gian từ ngày thứ 21 đến ngày thứ 30, mức chiết khấu là 4.5%/năm.

+ Từ ngày thứ 31 đến hạn thanh toán, khách hàng sẽ chỉ còn được hưởng chiết khấu là 4%/năm.

+ Hết hạn thanh toán khách hàng sẽ không được hưởng chiết khấu.

Số ngày thanh toán sớm	30-39 ngày	20-29 ngày	10-19 ngày	1-9 ngày
Tỷ lệ chiết khấu được hưởng	5.9%/năm	5%/năm	4.5%/năm	4%/năm

- *Phương pháp hạch toán:*

Công ty cần thực hiện việc ghi chép kế toán thông qua TK 635 - Chi phí tài chính

Nợ 635: Số tiền chiết khấu thanh toán cho hàng bán

Có TK 11,112,131: Tổng số tiền trả lại hoặc giảm nợ cho khách hàng

Cuối kỳ kết chuyển chiết khấu thanh toán để xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK 911: Kết chuyển chiết khấu thanh toán

Có TK 635: Chiết khấu thanh toán.

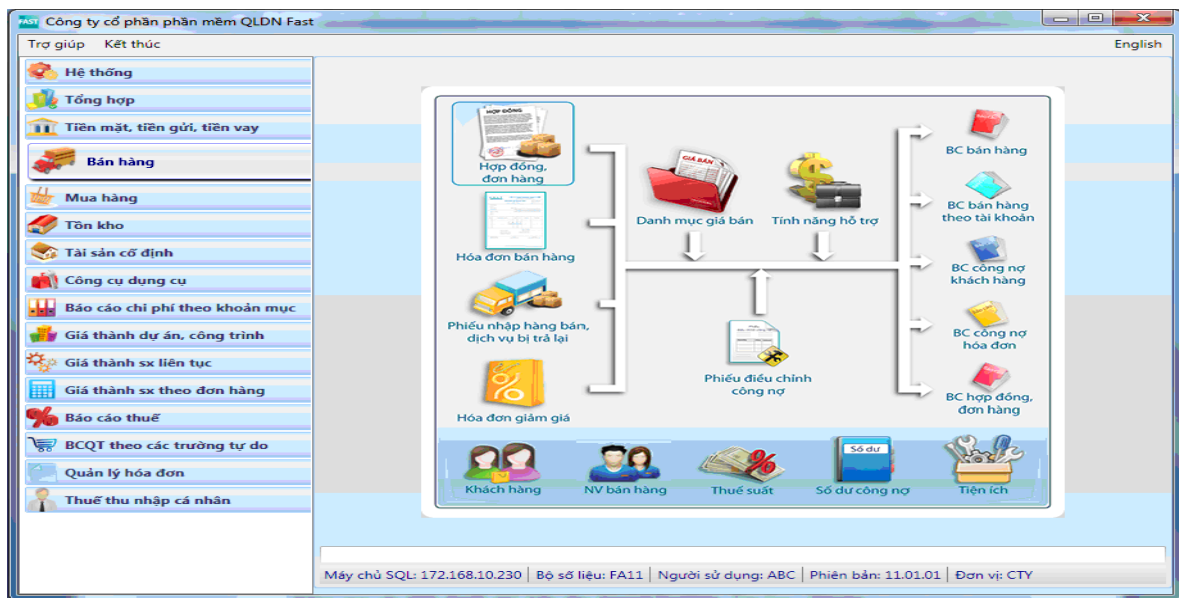
3.4.3. Kiến nghị 3: Về việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán tại công ty.

Tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương, công tác hạch toán kế toán được thực hiện thủ công. Máy tính chỉ dùng để soạn thảo văn bản, kẻ mẫu sổ sách và ứng dụng Excel tính lương trong bảng thanh toán lương, khấu hao TSCĐ hàng tháng. Công việc kế toán được tổng hợp vào cuối tháng cho nên ảnh hưởng đến tính kịp thời của thông tin kế toán. Khi sử dụng phần mềm kế toán, việc kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế tài chính được nhanh chóng, chính xác, kịp thời, tiết kiệm sức lao động mà hiệu quả công việc cao, các dữ liệu được lưu trữ và bảo quản thuận lợi, an toàn hơn. Vì vậy, công ty cần quan tâm hơn trong việc đầu tư các phần mềm kế toán cho phù hợp với điều kiện thực tế tại công ty.

Công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 103/2005/TT-BTC của Bộ tài chính ký ngày 24/11/2005 về việc “Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán” hoặc đi mua phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- Phần mềm kế toán FAST
- Phần mềm kế toán MISA
- Phần mềm kế toán VACOM.

▪ Phần mềm kế toán FAST



Hình 3.1: Giao diện hoạt động phần mềm kế toán máy FAST

- Thông tin về các gói sản phẩm của FAST: FAST Accounting là phần mềm kế toán dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ với 4 phiên bản đáp ứng cho các loại hình doanh nghiệp: dịch vụ, thương mại, xây lắp, sản xuất.

- Thông tin về giá cả: Giá phần mềm kế toán FAST Accounting 10.0 dành cho loại hình doanh nghiệp thương mại là: 8.000.000 đồng.
- Thông tin đơn vị cung cấp phần mềm: Công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp FAST. Liên hệ: www.fast.com.vn
- Phần mềm kế toán MISA

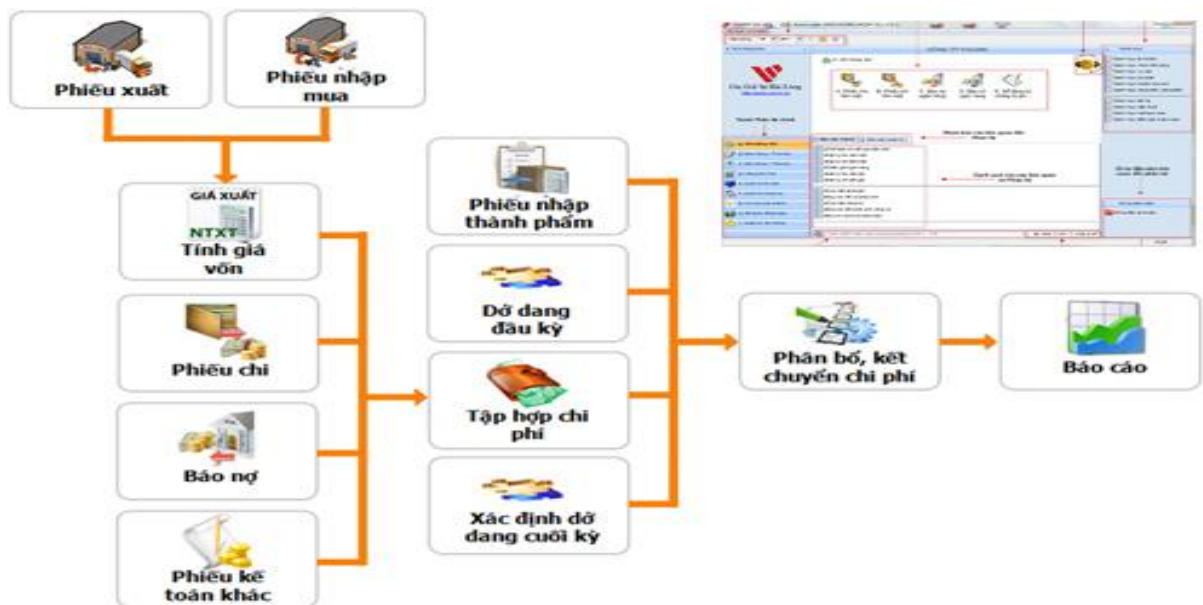


Hình 3.2: Giao diện hoạt động phần mềm kế toán máy MISA SME.NET 2015

- Thông tin về các gói sản phẩm của MISA: phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015 là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: thương mại, dịch vụ, xây lắp, sản xuất với các gói sản phẩm như Express, Starter, Standard, Professional, Enterprise.
- Thông tin về giá cả các gói sản phẩm là:

Gói sản phẩm	Đơn giá	Mô tả
Express	Miễn phí	Đầy đủ 16 phân hệ, số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa là 150 chứng từ/năm.
Starter	2.950.000 đồng	Đầy đủ 16 phân hệ, số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa là 150 chứng từ/năm.
Standard	6.950.000 đồng	Gồm 11 phân hệ, không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.
Professional	8.950.000 đồng	Gồm 13 phân hệ, không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.
Enterprise	10.950.000 đồng	Đầy đủ 16 phân hệ, không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.

- Thông tin đơn vị cung cấp phần mềm: Công ty cổ phần Misa (MISA JSC).
Liên hệ: www.misa.com.vn.
- Phần mềm kế toán VACOM



Hình 3.3: Giao diện hoạt động phần mềm kế toán máy VACOM

- Thông tin về gói sản phẩm, thông tin về giá cả: liên hệ đơn vị cung cấp phần mềm: Công ty cổ phần công nghệ phần mềm kế toán VACOM.
- Website: www.vacom.com.vn

Đánh giá các tính năng của sản phẩm theo nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp là một trong những bước đi quan trọng nhất nhằm lựa chọn một sản phẩm phần mềm kế toán phù hợp với giá cả hợp lý. Công ty nên tham khảo trước một số phần mềm để đưa ra lựa chọn đúng đắn.

3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương.

Để hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương thì các phương hướng và biện pháp đưa ra phải đảm bảo các điều kiện sau:

3.5.1. Về phía Nhà nước

- Kế toán là công cụ phục vụ quản lý kinh tế, gắn liền với hoạt động quản lý. Và kế toán là công cụ quản lý tài chính rất quan trọng. Do vậy, nhà nước cần có các hành động để giúp cho doanh nghiệp hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung cũng như tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại đơn vị mình.

- Cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống kế toán cũng như hệ thống chuẩn mực kế toán, tạo khung pháp lý thuận lợi để từ đó các doanh nghiệp có thể xây dựng, tổ chức hệ thống kế toán của mình. Hiện nay, hệ thống kế toán của Việt Nam vẫn đang từng bước được hoàn thiện, hệ thống chuẩn mực tiếp tục được bổ sung những chuẩn mực mới và điều chỉnh những vấn đề chưa phù hợp với sự phát triển nhanh chóng của kinh tế thị trường.
- Cần tăng cường các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp về công tác tổ chức hạch toán kế toán.

3.5.2. Về phía doanh nghiệp

Để phù hợp và đáp ứng các yêu cầu của cơ chế quản lý trong nền kinh tế thị trường, định hướng XHCN, đòi hỏi việc tổ chức công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng trong các doanh nghiệp phải tuân thủ các điều kiện sau:

- Tổ chức công tác kế toán tài chính phải đúng những quy định trong Luật kế toán và Chuẩn mực kế toán.
- Tổ chức công tác kế toán tài chính phải phù hợp với các chế độ, chính sách, thể lệ văn bản pháp quy về kế toán do Nhà nước ban hành.
- Tổ chức công tác kế toán tài chính phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động quản lý, quy mô và địa bàn hoạt động của doanh nghiệp.
- Tổ chức công tác kế toán tài chính phải phù hợp với yêu cầu và trình độ nghiệp vụ chuyên môn của đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kế toán.
- Tổ chức công tác kế toán tài chính phải đảm bảo nguyên tắc đội ngũ nhân viên của công ty nói chung cũng như đội ngũ nhân viên kế toán của công ty nói riêng có tuổi đời khá trẻ, năng động và nhiệt tình trong công việc.

Những điều kiện trên phải được thực hiện một cách đồng bộ mới có thể tổ chức thực hiện tốt và đầy đủ được các nội dung trong công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp. Hy vọng công ty sẽ xem xét, áp dụng vào thực tế để nâng cao hiệu quả công tác kế toán nói chung cũng như kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay, việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đúng đắn, chính xác, kịp thời sẽ giúp doanh nghiệp xác định được chính xác kết quả sản xuất kinh doanh của đơn vị, từ đó đưa ra được những chiến lược kinh doanh hiệu quả, giúp doanh nghiệp đứng vững được trên thị trường.

Qua thời gian thực tập, em đã tìm hiểu thực tế về công tác kế toán của Công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương. Có thể nhận thấy rằng, công tác hạch toán - kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty hiện nay đang phát huy được hiệu quả nhờ vào sự quản lý chặt chẽ các khoản doanh thu, chi phí phát sinh. Tuy vậy, cũng không thể khẳng định chắc chắn rằng: kết quả khả quan hiện nay có thể đảm bảo vững chắc cho phát triển bền vững của công ty trong tương lai. Vì vậy, tích cực hoàn thiện công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đảm bảo sự phù hợp giữa thực tế làm việc với các quy chế điều chỉnh sẽ đưa công ty nhanh chóng hòa nhập chung vào hệ thống kế toán quốc gia và quốc tế, từ đó tạo tiền đề tốt cho những bước phát triển mới của công ty trong xu thế hội nhập khu vực và quốc tế.

Về lý luận: Khóa luận đã hệ thống hóa lý luận chung về công tác kế toán hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

Về thực tiễn: Khóa luận phản ánh trung thực, khách quan về thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty với số liệu năm 2014 minh chứng cho các lập luận đưa ra.

Sau khi đánh giá tổ chức công tác kế toán, đặc biệt đi sâu đánh giá công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, khóa luận đã đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương.

Kiến nghị 1: Về việc hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh.

Kiến nghị 2: Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán.

Kiến nghị 3: Về việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán tại công ty.

Em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo, thạc sỹ Nguyễn Đức Kiên, cũng như sự giúp đỡ của Ban lãnh đạo cùng các cô chú nhân viên bộ phận Kế toán của công ty TNHH thương mại vận tải Chương Hương đã giúp em hoàn thành đề tài này.

Tuy nhiên, dưới góc độ là một sinh viên thực tập, chưa có nhiều kinh nghiệm, trình độ nhận thức còn hạn chế nên trong bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo để khóa luận tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (Năm 2010), *Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) – Hệ thống tài khoản kế toán*, NXB Giao thông vận tải.
2. Bộ Tài chính (Năm 2010), *Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) – Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ sách kế toán, sơ đồ kế toán*, NXB Giao thông vận tải.
3. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2006), *Kế toán tài chính*, NXB Thống kê.
4. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2011), *Nguyên lý kế toán*, NXB Lao động xã hội.
5. TS. Bùi Văn Dương (Năm 2007), *Kế toán tài chính*, NXB Thống kê.
6. TS. Phạm Huy Đoán (Năm 2004), *Hệ thống kế toán doanh nghiệp*, NXB tài chính Hà Nội.